VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về an ninh hàng không dân dụng, bao gồm: biện pháp kiểm soát an ninh phòng ngừa, xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng; công trình, trang bị, thiết bị, phương tiện và vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ bảo đảm an ninh hàng không; kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam hoặc hoạt động hàng không dân dụng trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài nếu pháp luật của nước ngoài không có quy định khác.

---

[1]Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam."

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bưu gửi bao gồm thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính.

2. Công cụ hỗ trợ gồm:

a) Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, la-de, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này;

b) Các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

c) Các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

d) Các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, khóa số tám, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, lá chắn, mũ chống đạn;

đ) Động vật nghiệp vụ.

3. Điểm kiểm tra an ninh hàng không là các vị trí kiểm tra an ninh hàng không được thiết lập tại các cổng, cửa, lối đi giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế.

4. Đồ vật phục vụ trên tàu bay là vật phẩm để hành khách, tổ bay sử dụng, bán trên tàu bay, trừ suất ăn; các vật phẩm phục vụ cho khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

5. Đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ là đồ vật bị bỏ tại cảng hàng không, sân bay mà không có căn cứ xác định được chủ của đồ vật đó.

6. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

7. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là sự xác nhận của Cục Hàng không Việt Nam cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

8. Hàng hóa là tài sản được chuyên chở bằng tàu bay trừ bưu gửi, hành lý, đồ vật phục vụ trên tàu bay và suất ăn.

9. Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển là hàng hóa, bưu gửi được vận chuyển tiếp nối trên hai chuyến bay khác nhau trở lên hoặc bằng hai loại hình vận chuyển khác nhau trở lên, trong đó có loại hình vận chuyển bằng đường hàng không.

10. Hành lý là tài sản của hành khách hoặc tổ bay được chuyên chở bằng tàu bay.

11. Hành lý xách tay là hành lý được hành khách, thành viên tổ bay mang theo người lên tàu bay và do hành khách, thành viên tổ bay bảo quản trong quá trình vận chuyển.

12. Hành lý ký gửi là hành lý của hành khách, thành viên tổ bay được chuyên chở trong khoang hàng của tàu bay và do người vận chuyển bảo quản trong quá trình vận chuyển.

13. Hành lý không có người nhận là hành lý đến một cảng hàng không, sân bay mà không được hành khách, tổ bay lấy hoặc nhận.

14. Hành lý thất lạc là hành lý của hành khách, tổ bay bị tách rời khỏi hành khách, tổ bay trong quá trình vận chuyển.

15. Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, tạm dừng nội địa là hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên lại cùng một chuyến bay tại một cảng hàng không mà hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã đến trước đó.

16. Hành khách, hành lý nối chuyến là hành khách, hành lý tham gia trực tiếp vào hai chuyến bay khác nhau trở lên trong một hành trình.

17. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không bao gồm thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không:

a) Thanh tra an ninh hàng không là hoạt động thanh tra chuyên ngành hàng không được thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành;

b) Kiểm tra chất lượng an ninh hàng không là việc kiểm tra sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các quy định trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không;

c) Thử nghiệm an ninh hàng không là việc sát hạch hiệu quả của một biện pháp bảo đảm an ninh cụ thể bằng cách công khai hoặc bí mật tiến hành một hành vi vi phạm giả định về an ninh hàng không;

d) Khảo sát an ninh hàng không là việc thu thập các thông tin, số liệu để định lượng các nhu cầu an ninh và xác định các trọng điểm cần tập trung bảo vệ;

đ) Điều tra an ninh hàng không là việc tiến hành làm rõ hành vi can thiệp bất hợp pháp, hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm an ninh hàng không;

e) Đánh giá an ninh hàng không là việc thẩm định sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các tiêu chuẩn, quy định về an ninh hàng không do Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, nhà chức trách hàng không nước ngoài, hãng hàng không tiến hành.

18. Khu vực cách ly là khu vực được xác định từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa tàu bay.

19. Khu vực lưu giữ hành lý là nơi lưu giữ hành lý ký gửi chờ chuyển lên tàu bay, lưu giữ hành lý thất lạc hoặc hành lý không có người nhận.

20. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay là khu vực phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; bao gồm sân đỗ tàu bay, công trình, nhà xưởng, bãi đỗ phương tiện và hệ thống đường giao thông nội bộ.

21. Kiểm soát an ninh nội bộ là biện pháp an ninh phòng ngừa nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện để đối tượng khủng bố, tội phạm có thể lợi dụng, móc nối, lôi kéo nhân viên hàng không tiếp tay hoặc trực tiếp thực hiện hành vi khủng bố, phạm tội và các hành vi vi phạm khác.

22. Kiểm tra an ninh hàng không tàu bay là việc kiểm tra bên trong và bên ngoài tàu bay theo danh mục nhằm phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm.

23. Kiểm tra trực quan là việc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp sử dụng tay, mắt và các giác quan khác để kiểm tra người, phương tiện, đồ vật nhằm nhận biết và phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm.

24. Kiểm tra lý lịch là việc thẩm tra, xác minh nhân thân của một người để đánh giá sự thích hợp với vai trò nhân viên hàng không; cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

25. Nhân viên an ninh trên không là người được chính phủ quốc gia khai thác tàu bay hoặc chính phủ quốc gia đăng ký tàu bay ủy quyền, bố trí làm nhiệm vụ trên tàu bay với mục đích bảo vệ tàu bay và hành khách chống lại hành vi can thiệp bất hợp pháp.

26. Niêm phong an ninh là sự xác nhận hàng hóa, đồ vật, phương tiện đã qua kiểm tra an ninh hàng không hoặc tình trạng nguyên vẹn của đồ vật, phương tiện được niêm phong.

27. Sân đỗ tàu bay là khu vực được xác định trong khu bay dành cho tàu bay đỗ để đón, trả hành khách, hành lý, bưu gửi, hàng hóa, tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng.

28. Suất ăn là đồ ăn, đồ uống, các dụng cụ sử dụng cho bữa ăn trên tàu bay.

29. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không là hành vi vi phạm an ninh hàng không nhưng chưa đến mức là hành vi can thiệp bất hợp pháp.

30. Tàu bay đang bay là tàu bay theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

31. Tàu bay đang khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đang đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay để chuẩn bị thực hiện hoạt động bay và có sự giám sát an ninh hàng không liên tục bằng biện pháp thích hợp nhằm phát hiện việc tiếp cận, xâm nhập tàu bay trái phép.

32. Tàu bay không khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay trên 12 giờ hoặc không có sự giám sát an ninh hàng không liên tục.

33. Tia X là một dạng của sóng điện từ, có bước sóng trong khoảng từ 0,01 na-nô-mét đến 10 na-nô-mét tương ứng với dãy tần số từ 30 pe-ta-héc đến 30 e-xa-héc và năng lượng từ 120 eV đến 120 keV.

34.[2] Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt để đựng chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàng miễn thuế trong khu vực cách ly quốc tế, mua trên chuyến bay quốc tế. Túi trong suốt có quy cách theo Phụ lục XXV kèm theo Thông tư này, nhìn và đọc được một cách dễ dàng phiếu mua hàng mà không cần mở túi.

35. Vị trí đỗ biệt lập là khu vực trong sân bay dành cho tàu bay đỗ trong trường hợp bị can thiệp bất hợp pháp nhằm cách ly với các tàu bay khác và các công trình của cảng hàng không, sân bay kể cả các công trình, thiết bị ngầm dưới mặt đất để triển khai phương án khẩn nguy.

36. Vũ khí bao gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Vũ khí quân dụng gồm: súng cầm tay hạng nhỏ (súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự); vũ khí hạng nhẹ (súng đại liên, súng cối dưới 100 mi-li-mét, súng ĐKZ, súng máy phòng không dưới 23 mi-li-mét, súng phóng lựu, tên lửa chống tăng cá nhân, tên lửa phòng không vác vai) và các loại vũ khí hạng nhẹ khác có tính năng, tác dụng tương tự; các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thủy lôi và hỏa cụ; vũ khí không thuộc danh mục vũ khí do Chính phủ ban hành nhưng có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

b) Vũ khí thể thao là súng và các loại vũ khí thô sơ dùng để luyện tập, thi đấu thể thao;

c) Súng săn là súng dùng để săn bắn gồm súng kíp, súng hơi và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

d) Vũ khí thô sơ gồm các loại dao găm, kiếm, giáo, mác, lưỡi lê, đinh ba, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, côn.

37. ICAO là tên viết tắt của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

Điều 4. Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

1. Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay do doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không; Quy chế an ninh hàng không của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay do hãng hàng không, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp chủ quản cơ sở xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận theo quy định.

3. Nội dung Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và hãng hàng không Việt Nam phải được xây dựng theo đề cương quy định tại các Phụ lục I, II, III và IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

2. Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này hoặc có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung.

Điều 6. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam

1. Hãng hàng không gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Thủ tục chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài

1. Hãng hàng không gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Anh trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không;

c) Bảng đánh giá nội dung khác biệt của Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; doanh nghiệp xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

1. Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

2. Thủ tục phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 của Thông tư này.

Điều 10. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

1. Việc xác định độ mật của tài liệu an ninh hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tài liệu an ninh hàng không là tài liệu hạn chế, bao gồm:

a) Các Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận;

b) Khuyến cáo, thông báo, kết luận thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, khảo sát, các đánh giá nguy cơ về an ninh hàng không và hồ sơ các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không;

c) Các quy chế phối hợp, văn bản hiệp đồng về an ninh hàng không giữa các cơ quan, đơn vị ngành hàng không với các cơ quan đơn vị liên quan;

d) Tài liệu về an ninh hàng không của ICAO hoặc do nước ngoài cung cấp được ICAO và phía nước ngoài xác định là tài liệu hạn chế;

đ) Các văn bản, tài liệu về an ninh hàng không khác mà Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam xác định là tài liệu hạn chế.

3. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo quản lý, sử dụng tài liệu an ninh hạn chế đúng mục đích.

4. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế chỉ cung cấp cho nơi nhận có ghi trong tài liệu. Việc cung cấp tài liệu cho đầu mối ngoài danh mục nơi nhận tài liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị ban hành tài liệu và ký nhận. Đối với các tài liệu an ninh hàng không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải có dòng chữ "tài liệu hạn chế" tại tất cả các trang của tài liệu.

Chương II
BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA

Mục 1. HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ

Điều 11. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bao gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay;

b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế riêng của doanh nghiệp;

c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không loại có giá trị sử dụng dài hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế có liên quan đến nhiệm vụ của tổ bay.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải được bảo mật, chống làm giả. Cục Hàng không Việt Nam quy định, thống nhất cách thức, biện pháp bảo mật đối với từng loại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 12. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1.[3] Cục Hàng không Việt Nam

Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không, sân bay trên cả nước cho cán bộ, nhân viên của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, xã hội và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc các đối tượng có nhiệm vụ tại nhiều cảng hàng không.

2.[4] Cảng vụ hàng không

a) Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng tại một hoặc nhiều cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 16 của Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý cho tất cả các đối tượng quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 16 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cấp thẻ, giấy phép dài hạn, ngắn hạn tại một cảng hàng không trong phạm vi quản lý cho cán bộ, nhân viên, phương tiện của mình và người, phương tiện mà người khai thác cảng hàng không, sân bay thuê làm nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công trình của mình.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài cấp thẻ nhận dạng tổ bay có giá trị sử dụng dài hạn cho tổ bay để thực hiện nhiệm vụ trong chuyến bay.

5. Doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng cho doanh nghiệp.

Điều 13. Thời hạn, hiệu lực và mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

2.[5] Hãng hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ nhận dạng tổ bay, doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ; các mẫu này không được giống với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và phải được thông báo cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát.

3.[6] Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác để giám sát.

4.[7] Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp.

5. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ, bao gồm thẻ được sử dụng 01 lần trong vòng 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực và thẻ được sử dụng nhiều lần trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

6. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng ngắn hạn sẽ có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ nhưng tối đa không quá 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực.

7. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực như quy định tại các khoản 5 và 6 của Điều này.

8. Đối tượng được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay phải chịu chi phí cấp thẻ, giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nội dung của thẻ kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu cảng hàng không, sân bay được phép vào và hoạt động;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;

e) Ảnh của người được cấp thẻ;

g) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

h) Quy định về sử dụng thẻ.

2. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu của doanh nghiệp;

b) Thông tin theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3.[8] Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

này và số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn hoặc số thẻ kiểm soát an ninh nội bộ của người được cấp thẻ.

Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g và h khoản 1 Điều này.

4. Từng khu vực hạn chế trên thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, thẻ kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số, màu sắc hoặc được mã hóa.

5. Thẻ nhận dạng tổ bay có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;

e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 15. Nội dung của giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn; giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số giấy phép;

b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;

c) Loại phương tiện;

d) Biển kiểm soát phương tiện;

đ) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

e) Cổng ra; cổng vào;

g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

2. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 Điều này.

3. Từng khu vực hạn chế trên giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số hoặc màu sắc.

Điều 16. Đối tượng, điều kiện, phạm vi cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ phục vụ thi công tại nhà ga, sân bay[9]

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương và địa phương của tổ chức chính trị, xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

2. Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp thẻ cho người của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài phù hợp với yêu cầu kiểm soát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

3. Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 06 tháng liên tục.

4. Việc cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn cho đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Người đề nghị cấp thẻ không có án tích theo quy định của pháp luật; được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian không dưới 01 tháng liên tục;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Không có hoạt động hàng không dân dụng tại khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Ranh giới khu vực thi công có hàng rào ngăn cách, bảo đảm cách biệt giữa khu vực thi công với các khu vực hạn chế khác và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay; bảo đảm người, phương tiện trong khu vực thi công không thể xâm nhập vào khu vực hạn chế khác;

d) Có lối ra, vào riêng từ khu vực công cộng đến khu vực thi công và phải có cổng, cửa, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện kiểm tra an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật ra vào. Trường hợp không có lối đi riêng mà phải đi qua khu vực hạn chế khác, phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải người, phương tiện khi qua khu vực hạn chế;

đ) Có phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được Cảng vụ hàng không thẩm định, chấp thuận. Phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được quy định trong Chương trình an ninh cảng hàng không.

5. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có trụ sở cơ quan hoặc phòng làm việc, quầy làm việc, nơi đặt thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 03 tháng liên tục;

c) Phục vụ trực tiếp nhiệm vụ an ninh quốc phòng liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;

d) Phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ;

đ) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và c khoản 7 Điều này.

6. Người có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn. Người được cấp thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải được hộ tống khi vào, hoạt động trong khu vực cách ly; phải được hướng dẫn, giám sát khi vào, hoạt động trong khu vực hạn chế khác. Người hướng dẫn, giám sát phải thường xuyên quan sát hoạt động của người được hướng dẫn, giám sát; người hướng dẫn, giám sát, hộ tống phải có thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn phù hợp và thuộc một trong các đối tượng dưới đây:

a) Người thường xuyên làm việc tại khu vực hạn chế của cơ quan đề nghị cấp thẻ ngắn hạn;

b) Người của cơ quan chủ quản khu vực hạn chế;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, cảng vụ hàng không.

7. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay;

b) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ;

c) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

8. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

a) Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;

b) Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: phục vụ chuyến bay chuyên cơ, thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

9. Phương tiện vào, hoạt động trong khu vực hạn chế của sân bay phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất hướng dẫn hoặc phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay dẫn đường trong các trường hợp sau:

a) Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn nhưng người điều khiển phương tiện chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn;

c) Phương tiện hoạt động không thường xuyên trong khu bay.

10. Phạm vi cấp thẻ, giấy phép cụ thể như sau:

a) Người làm việc tại mỗi cảng hàng không, sân bay chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào đúng cảng hàng không, sân bay nơi mình làm việc;

b) Người làm nhiệm vụ tại nhiều cảng hàng không được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào các cảng hàng không, sân bay có nhiệm vụ; người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ vào khu vực hạn chế đó; người có nhiệm vụ trong khu vực hạn chế thời gian nào chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

c) Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào cảng hàng không quốc tế;

d) Thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn, giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn chỉ có giá trị sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay.

11. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế và báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 17. Kiểm tra án tích[10]

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người xin cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn chịu trách nhiệm kiểm tra án tích của người xin cấp thẻ tại cơ quan tư pháp trước khi làm thủ tục xin cấp thẻ đối với người được cơ quan, đơn vị đề nghị xin cấp thẻ lần đầu.

Điều 18. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ;

b) Thẻ, giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Thẻ, giấy phép bị mất;

d) Người được cấp thẻ không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 16 của Thông tư này;

đ) Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 6 và 8 Điều 16 của Thông tư này;

e) Thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng;

g) Vì lý do đảm bảo an ninh;

h) Trường hợp chuyển công tác mà không trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh được xem xét cấp lại trong những trường hợp sau:

a) Khi ban hành mẫu thẻ, giấy phép mới;

b) Còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Hết thời hạn sử dụng; bị mất; bị thu giữ do vi phạm hoặc bị kỷ luật; do thay đổi vị trí công tác.

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 19. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam[11]

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

d) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

đ) 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cục Hàng không Việt Nam có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 20. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam[12]

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, hồ sơ cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 19 Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều 19 của Thông tư này kèm theo văn bản nêu kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật của cơ quan quản lý người bị thu thẻ;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ gồm công văn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục V và danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

---

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cục Hàng không Việt Nam có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp lại trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 21. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không[13]

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

d) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ (trừ lực lượng Công an, Hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không và Cảng vụ hàng không) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

đ) 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Cảng vụ hàng không thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cảng vụ hàng không có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 22. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn Cảng vụ hàng không[14]

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 21 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về nguyên nhân mất;

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều 21 Thông tư này kèm theo văn bản nêu kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật của cơ quan quản lý người bị thu thẻ;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ gồm công văn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục V và danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Cảng vụ hàng không thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cảng vụ hàng không có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp thẻ trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 23. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không và xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực (chứng minh nhân dân, chứng minh thư ngoại giao, hộ chiếu, thẻ Căn cước công dân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn), hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

3.[15] Cảng vụ hàng không phải thực hiện sao lưu các giấy tờ của cơ quan đề nghị cấp thẻ xuất trình theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách cán bộ, nhân viên đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

c) 01 ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

2. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 25. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất thẻ;

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ do vi phạm hoặc bị kỷ luật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này kèm theo văn bản kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật và bản kiểm điểm cá nhân có nhận xét đánh giá của cơ quan xử lý vi phạm, kỷ luật;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Thông tư này.

2. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 26. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay[16]

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện quy định tại khoản 7 Điều 16 nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 27. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay[17]

---

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Cấp lại do ban hành mẫu giấy phép mới, giấy phép hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này;

b) Cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 26 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp thẻ phải nộp lại giấy phép bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Cấp lại do bị mất giấy phép, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 26 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp thẻ phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

2. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay thẩm định, cấp, hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp thẻ trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến cho cơ quan cấp giấy phép và xuất trình Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

Điều 29. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế

1. Cơ quan công an, hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế, bao gồm các thông tin về họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ;

c) Hai ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét (ảnh chụp mặc trang phục của ngành trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc ảnh chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ và cấp thẻ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp.

Điều 30. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép phải được lưu trữ, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tại nơi cấp thẻ, giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, thông báo trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến thủ tục cấp thẻ, giấy phép.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý và quy trình, biểu mẫu có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Điều 31. Thẩm định và giải trình trong việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và các nội dung sau đây để cấp thẻ, giấy phép:

a) Đối tượng cấp thẻ, giấy phép;

b) Điều kiện cấp thẻ, giấy phép;

c) Phạm vi cấp thẻ, giấy phép;

d) Thời hạn cấp thẻ, giấy phép;

đ) Cảng hàng không, khu vực hạn chế được cấp trong thẻ, giấy phép.

2. Cơ quan, đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép để làm rõ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trong quá trình thẩm định hồ sơ.

3. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép có quyền từ chối nếu đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép từ chối giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh hoặc vi phạm các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép hoặc phát hiện hành vi khai, xác nhận không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

4. Việc cấp thẻ, giấy phép phải tuân thủ nguyên tắc làm việc tại cảng hàng không và khu vực hạn chế thì được cấp vào đúng cảng hàng không và khu vực hạn chế được phép hoạt động; đối tượng làm nhiệm vụ đến thời điểm nào thì cấp đến thời điểm đó.

Điều 32. Đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp và quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay

1. Doanh nghiệp cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay phải quy định đối tượng, điều kiện được cấp thẻ, giấy phép; mẫu thẻ, giấy phép; hồ sơ, thủ tục cấp thẻ, giấy phép; trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, cấp, thu

hồi thẻ, giấy phép trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay không được gây nhầm lẫn với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

Điều 33. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không chỉ được phép sử dụng khi làm nhiệm vụ được giao, không được phép sử dụng cho mục đích cá nhân khác, sử dụng sai quy định hoặc có hành vi vi phạm sẽ bị tạm giữ, thu hồi.

2. Người được cấp thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép phải bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép; không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào; không được tẩy xóa, làm sai lệch nội dung trên thẻ, giấy phép; trường hợp người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế, phải trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp; trường hợp bị rách, mờ không rõ các nội dung trên thẻ, giấy phép phải xin cấp lại. Trường hợp bị mất phải báo ngay cho đơn vị cấp thẻ, giấy phép và cơ quan chủ quản của mình.

3. Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về an ninh, an toàn hàng không, gây rối trật tự kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay; vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép, không còn đáp ứng điều kiện cấp thẻ, giấy phép sẽ bị tạm giữ, thu hồi.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm:

a) Quy định việc quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép của các cá nhân, phương tiện của đơn vị mình khi được cấp để bảo đảm sử dụng đúng mục đích; không được sử dụng thẻ cho mục đích cá nhân;

b) Thu hồi và bàn giao cho đơn vị cấp: thẻ, giấy phép mất giá trị sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư này, ngoại trừ thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng; thẻ, giấy phép bị thu hồi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thông báo ngay bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp thẻ, giấy phép;

c) Tiêu hủy thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng.

5. Cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không để ra, vào khu vực hạn chế, không phải đeo thẻ trong quá trình làm việc theo quy định.

6. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải thông báo ngay bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này các trường hợp mất thẻ, giấy phép do đơn vị mình cấp cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ khu vực hạn chế ghi trên thẻ, giấy phép bị mất và Cục Hàng không Việt Nam để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất.

Mục 2. KIỂM SOÁT AN NINH KHU VỰC HẠN CHẾ VÀ KHU VỰC CÔNG CỘNG

Điều 34. Thiết lập khu vực hạn chế

1. Căn cứ thực tế cơ sở hạ tầng và hoạt động hàng không dân dụng, các khu vực hạn chế sau đây phải được thiết lập:

a) Khu vực hành khách sau khi đã kiểm tra soi chiếu người và hành lý chờ để đi tàu bay (khu vực cách ly);

b) Khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay (sân bay);

c) Khu vực phục vụ hành lý ký gửi sau khi đã được kiểm tra an ninh hàng không để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại hành lý);

d) Khu vực dành cho hành khách quá cảnh, nối chuyến chờ để chuyển tiếp chuyến bay (khu vực quá cảnh);

đ) Khu vực phục vụ hàng hóa, bưu gửi sau khi đã kiểm tra soi chiếu để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, lưu giữ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi);

e) Nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên;

g) Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại nhà ga đến;

h) Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay;

i) Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn;

k) Khu vực kho nhiên liệu cung cấp cho tàu bay;

l) Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy cảng hàng không; Trung tâm chỉ huy điều hành bay; khu vực đài kiểm soát không lưu; khu vực trạm ra đa, thông tin VHF;

m) Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay;

n)[18] Khu vực từ điểm soi chiếu hành lý ký gửi vào bên trong nhà ga;

o)[19] Khu vực từ điểm soi chiếu hàng hóa, bưu gửi để vận chuyển bằng tàu bay vào bên trong nhà ga, nhà kho.

2. Căn cứ khoản 1 Điều này, người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định các khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc nhà ga, sân bay và khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác riêng của người khai thác cảng hàng không, sân bay khi xây dựng Chương trình an ninh hàng không.

3. Căn cứ khoản 1 Điều này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác đối với khu vực nằm ngoài nhà ga, sân bay khi xây dựng Quy chế an ninh hàng không; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi thiết lập khu vực hạn chế đối với các khu vực không thuộc cảng hàng không, sân bay.

4. Trong trường hợp phải tăng cường đảm bảo an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, xét thấy cần thiết tạm thời thiết lập khu vực hạn chế mới, người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị hoạt động thường xuyên tại khu vực đó. Việc thiết lập tạm thời khu vực hạn chế phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Có thời hạn;

b) Có hàng rào cứng hoặc mềm làm ranh giới; có biển, tín hiệu cảnh báo phù hợp;

c) Có điểm kiểm tra an ninh hàng không và bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra, giám sát trong thời gian thiết lập;

d) Có biện pháp bảo đảm an ninh hàng không phù hợp;

---

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

đ) Nếu thời hạn thiết lập tạm thời khu vực hạn chế trên 24 giờ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

5.[20] Thiết lập các khu vực hạn chế và áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không cho từng khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không và không gây cản trở cho người, phương tiện ra, vào, hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế. Cơ quan, đơn vị thiết lập khu vực hạn chế phải có biển cảnh báo "KHU VỰC HẠN CHẾ" đặt ở các vị trí thích hợp, dễ quan sát, tiếp giáp giữa khu vực hạn chế và khu vực công cộng.

Điều 35. Quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế

1. Người, phương tiện khi ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép ra, vào khu vực đó.

2. Thẻ phải đeo ở vị trí phía trước ngực bảo đảm quan sát được mặt trước của thẻ trong suốt thời gian hoạt động trong khu vực hạn chế, trừ trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc các đơn vị công an, hải quan cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay khi đang làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; giấy phép phải để ở phía trước buồng lái hoặc tại vị trí dễ nhận biết của phương tiện.

3. Người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực hạn chế phải đúng cổng, cửa quy định, tuân thủ sự hướng dẫn và các quy định về an ninh, an toàn, khai thác tại khu vực hạn chế; chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thích hợp.

4.[21] Người, phương tiện sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi hoạt động trong khu vực hạn chế phải tuân thủ quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 16 Thông tư này.

5. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế phải chạy đúng luồng, tuyến, đúng tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát và tuân theo sự hướng dẫn của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại khu vực đó.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

6. Việc tổ chức quay phim, chụp ảnh trong khu vực hạn chế không thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được đơn vị chủ quản cho phép bằng văn bản.

7. Trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để kiểm soát hoạt động của người và phương tiện mà không cần thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, kiểm soát an ninh nội bộ.

8. Trong khu vực hạn chế, hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi phải được bảo đảm nguyên vẹn:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống trộm cắp tài sản trong hành lý ký gửi và hàng hóa, bưu gửi thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Cảng vụ hàng không giám sát việc thực hiện quy định này của các đơn vị;

b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay, các doanh nghiệp phục vụ hàng hóa, phục vụ mặt đất chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn trong dây chuyền phục vụ hành lý, hàng hóa;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì ban hành quy định cụ thể danh mục người, phương tiện được phép ra, vào cho từng cổng, cửa, lối đi cụ thể; quy định danh mục đồ vật nhân viên không được mang theo người vào làm việc tại các khu vực hạn chế;

đ) Các hãng hàng không thông tin, tuyên truyền cho hành khách biết các quy định về vận chuyển đồ vật có giá trị cao trong hành lý ký gửi; các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện và đền bù trong trường hợp bị mất mát, thất lạc hành lý trong quá trình vận chuyển;

e) Các biện pháp cụ thể về công tác phòng, chống trộm cắp tài sản được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không và Quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp.

Điều 36. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm vào khu vực hạn chế

1. Việc mang, quản lý, sử dụng vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có

liên quan trên cơ sở Danh mục các vật phẩm nguy hiểm cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

2. Đơn vị sử dụng vật phẩm nguy hiểm là công cụ phục vụ cho công việc của các cơ quan, đơn vị trong khu vực hạn chế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 34 của Thông tư này phải đăng ký với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực đó.

3. Đơn vị chủ quản tổ chức quản lý và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với vật phẩm nguy hiểm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 37. Điểm kiểm tra an ninh hàng không tại cổng, cửa, lối đi giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế

1. Tại các cổng, cửa, lối đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế phải thiết lập các điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có các tài liệu sau đây:

a) Quy trình kiểm tra người, đồ vật, phương tiện khi ra, vào khu vực hạn chế;

b) Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép vào khu vực;

c) Danh sách những người, phương tiện bị mất thẻ, giấy phép; bị thu hồi nhưng không nộp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh bạ các số điện thoại liên quan và các biểu mẫu, biên bản, phiếu đăng ký vật phẩm nguy hiểm, thiết bị điện tử, thiết bị đặc chủng, đồ vật có giá trị cao, phương tiện vào khu vực hạn chế;

đ) Sổ giao ca, ghi chép tình hình và kết quả kiểm tra, giám sát an ninh.

3. Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có biển báo, chỉ dẫn thích hợp, bố trí nhân viên, thiết bị an ninh thích hợp để bảo đảm việc kiểm tra an ninh hàng không được duy trì liên tục. Cổng, cửa, hàng rào di động tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải luôn trong trạng thái đóng (khóa) và chỉ được mở khi người, phương tiện đã được kiểm tra, đủ điều kiện ra, vào.

4. Phải có ca-me-ra giám sát an ninh, bố trí máy soi tia X, cổng từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay để kiểm tra, soi chiếu người, đồ vật, hành lý từ khu vực công cộng vào các khu vực hạn chế được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 34 của Thông tư này và Trung tâm chỉ huy điều hành bay (trừ các cổng, cửa, lối đi được thiết lập tạm thời).

Điều 38. Giám sát an ninh, tuần tra, canh gác tại khu vực hạn chế

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức giám sát liên tục đối với hành khách, người, phương tiện hoạt động trong các khu vực hạn chế bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện những biểu hiện nghi ngờ, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm; kiểm tra, xử lý hành lý, đồ vật không xác nhận được chủ và thực hiện các biện pháp an ninh hàng không khác.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức tuần tra, canh gác để kịp thời ngăn chặn người, phương tiện, gia súc xâm nhập vào các khu vực hạn chế hoặc vi phạm các quy định bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

3. Tại cảng hàng không, sân bay dùng chung giữa dân dụng và quân sự, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quân đội đóng tại cảng hàng không, sân bay thực hiện tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực giáp ranh giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự.

4. Việc tổ chức giám sát, tuần tra, canh gác được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

Điều 39. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật khi vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế mà không phải hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và đồ vật đưa lên tàu bay

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật đưa vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế.

2.[22] Người, phương tiện, đồ vật đưa vào khu vực hạn chế ngoại trừ đối tượng quy định tại khoản 10 Điều này phải được kiểm tra an ninh hàng không các nội dung sau:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người và đồ vật mang theo;

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

3. ***(được bãi bỏ)***[23]

4. Người, phương tiện, đồ vật đưa ra ngoài khu vực hạn chế được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra khi có biểu hiện nghi ngờ như: trộm cắp tài sản, buôn lậu và gian lận thương mại hoặc trong các trường hợp tăng cường bảo đảm an ninh hàng không hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người và đồ vật mang theo;

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

5. Quy trình kiểm tra người như sau:

a) Kiểm tra thẻ kiểm soát an ninh hàng không, quan sát đối chiếu thực tế;

b) Kiểm tra người bằng cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay ở những nơi có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay. Khi cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay báo động thì phải tiếp tục kiểm tra trực quan. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên tối thiểu 5% trong trường hợp cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay không có báo động. Kiểm tra trực quan tại những điểm không có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay;

c) Thứ tự, động tác kiểm tra thẻ, kiểm tra trực quan, sử dụng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; quy trình kiểm tra bằng cổng từ được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

6. Quy trình kiểm tra đồ vật như sau:

a) Đưa đồ vật qua máy soi tia X ở những nơi có máy soi tia X. Khi qua máy soi tia X có nghi ngờ thì tiếp tục tiến hành kiểm tra trực quan;

---

[23] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Kiểm tra trực quan đồ vật tại những điểm không có máy soi tia X;

c) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan, kiểm tra bằng máy soi tia X được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

7. Quy trình kiểm tra phương tiện như sau:

a) Yêu cầu người điều khiển phương tiện và những người đi cùng rời khỏi phương tiện;

b) Kiểm tra giấy phép của phương tiện;

c) Quan sát, kiểm tra bên ngoài phương tiện;

d) Dùng gương soi kiểm tra gầm, bề mặt phía trên của phương tiện;

đ) Kiểm tra trực quan bên trong buồng lái của phương tiện;

e) Kiểm tra khoang chở người, hàng của phương tiện (trừ các trường hợp khoang chở hàng được niêm phong theo quy định);

g) Kiểm tra các niêm phong của phương tiện, hàng hóa chuyên chở trên phương tiện;

h) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan và sử dụng gương soi gầm, bề mặt phía trên của phương tiện được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

8.[24] Quy định về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế:

a) Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải lưu giữ tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế tại điểm kiểm tra an ninh hàng không và kiểm tra ngẫu nhiên, đột xuất khi có dấu hiệu bất thường;

b) Trường hợp người thường xuyên ra, vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản có trách nhiệm cung cấp cho

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

người khai thác cảng hàng không, sân bay danh sách nhân viên và đồ vật mang theo người thường xuyên vào, ra để lực lượng kiểm soát an ninh hàng không đối chiếu, kiểm soát;

c) Trường hợp người ngoài danh sách quy định tại điểm b khoản này hoặc người có trong danh sách quy định tại điểm b khoản này nhưng mang đồ vật không có trong danh sách đăng ký hoặc đồ vật quá số lượng đăng ký khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thực hiện kê khai đồ vật mang vào, ra theo mẫu tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này và vào, ra cùng một cửa. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thu tờ khai, đối chiếu với các đồ vật mang vào, ra và ghi nhận sự thay đổi về số lượng nếu có sử dụng trong khu vực hạn chế;

d) Người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định cụ thể danh mục và quy trình đăng ký, kiểm soát đồ vật vào, ra khu vực hạn chế cảng hàng không;

đ) Sổ sách, tài liệu về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế phải được quản lý và lưu giữ theo quy định về lưu trữ.

9. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với từng khu vực hạn chế cụ thể phải được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của đơn vị.

10.[25] Lực lượng Công an cửa khẩu đang làm nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không không phải cởi áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng; người, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ khi đi qua cổng từ không phải thực hiện kiểm tra trực quan. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Đồ vật mang theo, trừ quân phục, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ;

c) Phương tiện di chuyển và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

11.[26] Cục An ninh cửa khẩu, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm bảo đảm sỹ quan, chiến sỹ trực thuộc không mang theo vật phẩm nguy hiểm trái quy định vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không không đồng ý để sỹ quan, chiến sỹ Công an cửa khẩu vào khu vực hạn chế trong trường hợp sỹ quan, chiến sỹ Công an có biểu hiện bất thường, đồng thời thông báo ngay cho lãnh đạo đơn vị Công an cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay; nhân viên an ninh hàng không đồng ý để sỹ quan, chiến sỹ Công an có biểu hiện bất thường vào khu vực hạn chế khi có ý kiến chấp thuận của lãnh đạo đơn vị Công an cửa khẩu.

Điều 40. Biển báo, chỉ dẫn tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay

1.[27] Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan công an, giao thông phân luồng, tuyến và lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ dẫn tại các trục đường giao thông công cộng nội cảng, bãi đỗ xe, khu vực đón tiễn dành cho hành khách và các khu vực công cộng khác thuộc trách nhiệm quản lý, khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Người, phương tiện đi lại và hoạt động tại các khu vực công cộng phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, các quy định của cảng hàng không, sân bay, chấp hành theo sự hướng dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn văn minh, lịch sự.

Điều 41. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chủ trì, phối hợp với cơ quan công an thiết lập các chốt kiểm soát, bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, thiết bị phù hợp để tuần tra, giám sát, hướng dẫn người và phương tiện tham gia

---

[26] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

giao thông; duy trì trật tự tại các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

2. Việc bố trí lực lượng tuần tra, giám sát, thiết bị chuyên dụng, trình tự kiểm tra, giám sát an ninh phải bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện không xác nhận được chủ, hành vi gây rối, vi phạm pháp luật tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và phải được mô tả cụ thể trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không.

3.[28] Người khai thác cảng hàng không, sân bay, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan tại cảng hàng không phối hợp phân luồng, tuyến, các khu vực hoạt động đón, tiễn của hành khách, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực công cộng cảng hàng không; thiết lập các chốt kiểm soát an ninh hàng không, tổ chức tuần tra, kiểm soát an ninh hàng không ở khu vực công cộng để bảo đảm trật tự, hạn chế, điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực sân đỗ ô tô, luồng giao thông nội cảng, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác tại cảng hàng không, sân bay. Trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị được quy định trong Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không.

4. Đồ vật, hành lý, tài sản của hành khách đi tàu bay hoặc người đưa tiễn gửi ở khu vực trông giữ tại khu vực công cộng của nhà ga hành khách phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi tiếp nhận bằng các biện pháp thích hợp.

Điều 42. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không chủ trì cùng với người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương liên quan thực hiện công tác tuyên truyền các quy định về an ninh, an toàn hàng không cho người dân cư trú trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

2. Cảng vụ hàng không cùng với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương liên quan trong việc bảo đảm

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

thực hiện các quy định về an ninh hàng không; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

3. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tổ chức đánh giá các vị trí có nguy cơ tấn công tàu bay bằng tên lửa phòng không vác vai.

4. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với công an các cấp khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay đối với tàu bay, việc sử dụng tên lửa phòng không vác vai và các loại vũ khí khác để tấn công tàu bay trong giai đoạn cất, hạ cánh.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với công an cấp phường, xã khu vực liên quan tuần tra khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế bên ngoài cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

Mục 3. KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN NINH TRƯỚC CHUYẾN BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 43. Niêm phong an ninh

1.[29] Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, tủ, túi đựng suất ăn, thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay, trừ đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 56 của Thông tư này, sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh; phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải niêm phong an ninh các cửa nạp, cửa xả; tàu bay không khai thác phải niêm phong an ninh các cửa của tàu bay.

2. Niêm phong an ninh phải bảo đảm không thể bóc, gỡ sau khi niêm phong hoặc nếu bóc, gỡ sẽ bị hỏng, không thể niêm phong lại; kích cỡ, chủng loại niêm phong phải phù hợp với vật được niêm phong.

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

3. Mẫu niêm phong an ninh, chế độ quản lý, thống kê, cấp, phát, sử dụng niêm phong an ninh phải được quy định cụ thể trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không có liên quan. Yêu cầu về niêm phong an ninh theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 44. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát

1. Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi hành khách có vé, thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này và đã được kiểm tra an ninh hàng không; hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, không làm chung cho nhiều người. Trước khi cho hành khách lên tàu bay, nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với giấy tờ về nhân thân và thẻ lên tàu bay để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ và chuyến bay.

2. Hành khách có hành lý ký gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không để làm thủ tục. Nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với vé và giấy tờ về nhân thân, phỏng vấn hành khách về hành lý; nếu có nghi vấn phải thông báo cho người phụ trách an ninh tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

3. Hành khách được ủy quyền cho người đại diện thay mình làm thủ tục trong các trường hợp sau:

a) Đoàn công tác có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Các trường hợp khẩn cấp do Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Hành khách không có hành lý ký gửi được tự làm thủ tục cho mình qua hệ thống làm thủ tục trực tuyến, quầy tự làm thủ tục được hãng hàng không và các cơ

quan chức năng có liên quan cho phép mà không cần có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không.

5. Hành khách, hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh bằng soi chiếu an ninh hàng không 100%; hành khách từ chối soi chiếu an ninh hàng không sẽ bị từ chối vận chuyển.

6. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có buồng để tiến hành lục soát an ninh hàng không; có máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, thiết bị thông tin liên lạc, các thiết bị, dụng cụ cần thiết khác.

7. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân của hành khách với vé, thẻ lên tàu bay bằng giấy hoặc trên thiết bị điện tử (điện thoại, máy tính…) và hành khách;

b) Hướng dẫn hành khách thực hiện các yêu cầu cởi bỏ vật dụng cá nhân, đặt hành lý, đồ vật lên băng chuyền máy soi tia X;

c) Kiểm tra hành khách bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ, kiểm tra trực quan, lục soát hành khách;

d) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó;

đ) Tiếp nhận hành lý, đồ vật cần kiểm tra theo yêu cầu của nhân viên quan sát màn hình máy soi tia X và chuyển cho nhân viên làm nhiệm vụ kiểm tra trực quan, lục soát;

e) Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý xách tay, đồ vật;

g) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không; luân chuyển vị trí làm việc của các nhân viên trong ca; xử lý các vướng mắc, vi phạm khi nhân viên báo cáo; không trực tiếp thực hiện các công việc của các nhân viên nêu tại các điểm a, b, c, d, đ và e của khoản này.

8. Hành khách phải tuân thủ mọi hướng dẫn, yêu cầu của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và chấp hành quy trình soi chiếu an ninh hàng không đối với người và hành lý xách tay như sau:

a) Hành khách cởi bỏ áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng, vật dụng cá nhân và các đồ vật khác mang theo người; đặt các đồ vật, chất lỏng, thiết bị điện tử vào khay đưa qua máy soi tia X trước khi đi qua cổng từ;

b) Hành khách đi qua cổng từ, nếu cổng từ báo động thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không sử dụng kết hợp thiết bị phát hiện kim loại cầm tay và kiểm tra trực quan;

c) Hành khách đặt hành lý xách tay lên băng chuyền đưa qua máy soi tia X; khi hành lý có nghi vấn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải tiến hành kiểm tra trực quan hoặc lục soát an ninh hàng không theo quy định.

9. Hành khách, hành lý xách tay đã hoàn tất thủ tục kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho đến khi lên tàu bay.

10. Việc kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách tàn tật, thương binh, bệnh nhân sử dụng xe đẩy, cáng cứu thương, có gắn các thiết bị phụ trợ y tế trên người được thực hiện bằng trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác tại nơi phù hợp.

11. Việc kiểm tra trực quan hành khách, hành lý xách tay được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc tại buồng lục soát. Việc kiểm tra trực quan hành khách tại điểm kiểm tra an ninh hàng không do người cùng giới tính thực hiện, trong trường hợp cần thiết, nhân viên nữ có thể kiểm tra hành khách nam. Việc kiểm tra trực quan tại buồng lục soát phải do người cùng giới tính thực hiện, có người thứ ba cùng giới chứng kiến và phải lập biên bản kiểm tra trực quan.

12. Trường hợp phát hiện vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay lên tàu bay theo quy định thì nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Thông tư này.

13. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên bổ sung tối thiểu 10% sau kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý xách tay. Việc kiểm tra trực quan ngẫu nhiên được thực hiện tại điểm kiểm tra an ninh hàng không hoặc đưa hành khách vào buồng lục soát khi có yêu cầu.

Điều 45. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa

1. Trường hợp hành khách quá cảnh, tạm dừng nội địa ở lại trên tàu bay, tàu bay đó phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi xuất phát, không cho phép hành khách xuống khỏi tàu bay.

2. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay phải mang theo đồ vật cá nhân, hành lý xách tay, không được để lại trên tàu bay.

3. Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm đồ vật cá nhân, hành lý xách tay của hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa xuống khỏi tàu bay, không để lại trên tàu bay.

4. Hành khách nối chuyến, quá cảnh, tạm dừng nội địa và hành lý xách tay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu như hành khách xuất phát trước khi lên lại tàu bay, trừ trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách được dán thẻ hành khách tạm dừng, nối chuyến, quá cảnh;

b) Từ lúc xuống khỏi tàu bay, hành khách đi theo luồng riêng không lẫn với bất kỳ luồng hành khách nào khác và được giám sát an ninh liên tục.

Điều 46. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay

1. Người khai thác tàu bay phải cung cấp danh sách tổ bay cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trước khi tổ bay làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không. Tổ bay phải mặc trang phục theo quy định, tự đóng gói hành lý và chỉ được phép mang hành lý theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Thành viên tổ bay phải xuất trình thẻ nhận dạng tổ bay tại điểm kiểm tra an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra, đối chiếu danh sách tổ bay của chuyến bay do người khai thác tàu bay cung cấp với thẻ nhận dạng tổ bay.

3. Việc soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh đối với thành viên tổ bay và hành lý của họ được thực hiện như đối với hành khách, hành lý xách tay của hành khách xuất phát.

4. Hãng hàng không quy định chi tiết việc kiểm soát hành lý, đồ vật của tổ bay khi lên tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

Điều 47. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Nhân viên làm thủ tục vận chuyển phải yêu cầu từng hành khách xác định đúng hành lý ký gửi của mình mới được phép làm thủ tục vận chuyển, không làm thủ tục nhóm (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 44 của Thông tư này); trường hợp thấy có dấu hiệu nghi vấn phải thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để tăng cường kiểm tra.

2. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng máy soi tia X; nếu có nghi vấn phải được tiếp tục kiểm tra trực quan, dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ hoặc các biện pháp thích hợp khác. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý ký gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

3. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó;

b) Kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không;

c) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hành lý ký gửi được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

5. Kiểm tra trực quan đối với hành lý ký gửi của hành khách được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hành lý đó hoặc người đại diện hợp pháp của họ hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển, trừ trường hợp khẩn nguy.

6. Hành lý ký gửi quá cảnh, nối chuyến, đi chuyến bay tạm dừng nội địa đã đưa xuống khỏi tàu bay, trước khi đưa lên tàu bay phải qua kiểm tra an ninh hàng không như hành lý ký gửi xuất phát, trừ các trường hợp đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hành lý không rời khỏi sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không liên tục từ khi đưa xuống khỏi tàu bay cho đến khi được đưa lại lên tàu bay;

b) Hành lý có dán thẻ quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa.

Điều 48. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi

1. Hành lý ký gửi của hành khách xuất phát, nối chuyến, quá cảnh sau khi làm thủ tục chấp nhận vận chuyển và kiểm tra an ninh hàng không phải được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho đến khi đưa lên tàu bay, không được để những người không có trách nhiệm tiếp cận.

2. Khu vực băng chuyền hành lý ký gửi, khu vực phân loại hành lý ký gửi phải được kiểm soát và giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp, người không có trách nhiệm không được phép tiếp cận những khu vực này.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển hành lý ký gửi từ nhà ga ra tàu bay và ngược lại chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn ngừa việc mất mát tài sản trong hành lý ký gửi và ngăn chặn việc đưa hành lý ký gửi không được phép vận chuyển lên băng chuyền, xe chở hành lý.

4. Hành lý ký gửi bị rách, vỡ, bung khóa không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được tái kiểm tra an ninh hàng không. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không phải được lập biên bản. Quy trình quản lý, giám sát, xử lý cụ thể đối với hành lý không còn nguyên vẹn trước khi chất xếp lên tàu bay hoặc có dấu hiệu bị can thiệp trái phép phải được quy định trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

Điều 49. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý

1. Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam quy định.

2. Hãng hàng không hoặc người khai thác tàu bay phải bảo đảm:

a) Mỗi kiện hành lý ký gửi phải có thẻ hành lý ghi rõ số chuyến bay, ngày, tháng, năm và mã số của kiện hành lý đó;

b) Trước chuyến bay, lập bảng kê hành lý ký gửi và thực hiện đối chiếu hành lý ký gửi với danh sách hành khách của chuyến bay;

c) Ký bảng kê danh mục hành lý ký gửi đã chất xếp lên tàu bay.

3. Trong trường hợp hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay nhưng không có mặt để thực hiện chuyến bay, hãng hàng không có trách nhiệm đảm bảo tất cả hành lý của hành khách đó phải được đưa xuống tàu bay trước khi cho tàu bay khởi hành.

4. Trừ túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý ký gửi vận chuyển không cùng với hành khách trên chuyến bay theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam phải áp dụng ít nhất một trong các biện pháp kiểm tra an ninh hàng không bổ sung sau đây và phải được lập thành biên bản:

a) Soi chiếu bằng máy soi tia X đối với đồ vật ở các tư thế khác nhau;

b) Kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 50. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách chịu trách nhiệm bố trí khu vực để lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận cho

đến khi hành lý này được chuyển đi, chuyển tới chủ sở hữu. Khu vực lưu giữ hành lý phải được bảo vệ, người không có trách nhiệm không được vào khu vực này.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hành khách, hành lý có trách nhiệm lưu giữ và lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận, phải ghi rõ số lượng, trọng lượng, chuyến bay, đường bay và các biện pháp giải quyết. Hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu và niêm phong an ninh trước khi đưa vào khu vực lưu giữ, trước khi được đưa lên tàu bay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu.

3. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận phải được lục soát an ninh hàng không.

Điều 51. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự

1. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được miễn soi chiếu tia X, kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Việc kiểm tra túi ngoại giao, túi lãnh sự được nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện như sau:

a) Kiểm tra niêm phong, những dấu hiệu nhận biết bên ngoài của túi ngoại giao, túi lãnh sự theo quy định của pháp luật về ngoại giao và lãnh sự;

b) Kiểm tra hộ chiếu, giấy ủy quyền mang túi ngoại giao, túi lãnh sự, văn bản của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự xác nhận số kiện của túi ngoại giao, túi lãnh sự.

3. Trong trường hợp có cơ sở xác thực để khẳng định túi ngoại giao, túi lãnh sự có chứa vật phẩm nguy hiểm không được phép vận chuyển trên tàu bay theo quy định thì túi ngoại giao, túi lãnh sự đó bị từ chối chuyên chở.

4. Khi từ chối chuyên chở phải tiến hành lập biên bản nêu rõ lý do, có sự xác nhận của giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự và Cảng vụ hàng không liên quan, biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao.

5. Giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự hay đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và đồ vật mang theo khi vào khu vực hạn chế để gửi hay đi cùng túi ngoại giao, túi lãnh sự phải được kiểm tra an ninh hàng không theo quy định tại các Điều 39 và 44 của Thông tư này.

6. Túi ngoại giao, túi lãnh sự được soi chiếu tia X trong trường hợp hãng hàng không trực tiếp vận chuyển có yêu cầu bằng văn bản gửi người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Việc soi chiếu tia X phải được ghi nhận bằng biên bản có sự xác nhận của hãng hàng không, giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không liên quan; biên bản phải được gửi cho cơ quan đại diện ngoại giao.

Điều 52. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thực hiện, tuân thủ theo quy định tại các Điều 44, 46, 47 và 48 của Thông tư này, trừ trường hợp các quy định của pháp luật có quy định khác.

2. Cục Hàng không Việt Nam thống nhất với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành quy chế kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ.

3. Việc miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với chuyến bay chuyên cơ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển trên tàu bay tại cảng hàng không, sân bay

1.[30] Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi phải bố trí đủ nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bảo đảm thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra giấy tờ (tờ khai người gửi hàng, hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng gửi của chuyến bay quốc tế), ghi tài liệu về từng lô hàng được kiểm tra; kiểm tra trực quan, lục soát an ninh hàng không;

b) Giám sát màn hình máy soi tia X; nhiệm vụ này được thực hiện liên tục không quá 30 phút và chỉ quay trở lại thực hiện tối thiểu là 30 phút sau đó; kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ;

---

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Niêm phong an ninh hàng không;

d) Kíp trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và giám sát toàn bộ công việc tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

3. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng biện pháp soi chiếu 100%, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này và các trường hợp miễn soi chiếu được quy định tại Điều 55 của Thông tư này. Trường hợp có nghi vấn phải tiếp tục kiểm tra trực quan hoặc các biện pháp thích hợp khác. Việc kiểm tra trực quan được thực hiện với sự có mặt của chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp hoặc đại diện hãng hàng không vận chuyển. Trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì hàng hóa, bưu gửi phải được lục soát an ninh hàng không.

4. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát sau khi đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được giám sát an ninh liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay. Khi phát hiện hàng hóa, bưu gửi không còn nguyên vẹn hoặc thùng đựng thiếu niêm phong an ninh trước khi chất xếp lên tàu bay, nhân viên phục vụ hàng hóa, bưu gửi có trách nhiệm thông báo kịp thời cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp tái kiểm tra an ninh hàng không thích hợp nhằm phát hiện, ngăn ngừa vật phẩm nguy hiểm theo quy định.

5. Hàng hóa, bưu gửi xuất phát đã được kiểm tra an ninh hàng không mà phải vận chuyển qua các khu vực công cộng để ra tàu bay, phương tiện vận chuyển phải có người hộ tống hoặc có biện pháp giám sát thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

6.[31] Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển phải được soi chiếu, giám sát an ninh hàng không như hàng hóa, bưu gửi xuất phát, trừ trường hợp hàng hóa, bưu gửi

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định khoản 26 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

trung chuyển chưa ra khỏi khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay hoặc có sự hộ tống, giám sát liên tục của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

7. Hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay vận chuyển hành khách không phải kiểm tra an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển không rời khỏi tàu bay, sân đỗ tàu bay hoặc có sự giám sát an ninh hàng không thích hợp liên tục;

b) Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, trung chuyển được vận chuyển từ sân đỗ tàu bay vào khu vực lưu giữ hàng hóa qua khu vực công cộng và ngược lại được niêm phong an ninh và có biện pháp giám sát an ninh thích hợp liên tục trong quá trình vận chuyển để ngăn ngừa việc đưa trái phép vật phẩm nguy hiểm vào hàng hóa, bưu gửi.

8. Biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi phải được quy định chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

9. Hồ sơ khai thác hàng hóa, bưu gửi, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các biên bản phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không

1. Chỉ những cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi có lưu lượng hàng hóa, bưu gửi lớn vận chuyển bằng đường hàng không đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất, con người để bảo đảm an ninh hàng không, có Quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt mới được thiết lập điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ định lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không trên cơ sở bảo đảm an ninh hàng không và lợi ích của các bên liên quan.

3. Doanh nghiệp chủ quản cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, bảo vệ cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi theo Quy chế an ninh hàng không được phê duyệt; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát an ninh hàng không thích hợp đối với hàng hóa, bưu gửi sau khi tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển hàng hóa, bưu gửi sau kiểm tra an ninh hàng không đến cảng hàng không, sân bay.

4. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quy định cụ thể các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi trong toàn bộ chuỗi cung ứng vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp với bản chất của từng loại hàng hóa, bưu gửi. Các doanh nghiệp liên quan đến vận chuyển hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải thực hiện các biện pháp, quy trình, thủ tục kiểm soát an ninh hàng không do Cục Hàng không Việt Nam ban hành nhằm loại trừ việc vận chuyển vật phẩm nguy hiểm trái phép.

Điều 55. Kiểm tra an ninh hàng không đối với vật phẩm đặc biệt

1. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với thi thể người vận chuyển bằng tàu bay được đặt trong hòm kẽm gắn kín. Quá trình đóng gói và niêm phong hòm kẽm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền giám sát. Hòm kẽm phải còn nguyên niêm phong và có văn bản xác nhận của cơ quan y tế giám sát kèm theo giấy chứng tử.

2. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với các sản phẩm làm từ máu, bộ phận nội tạng dùng cho việc cấy ghép, vắc-xin, các loại dược phẩm phải duy trì đóng gói kín. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Miễn soi chiếu tia X và kiểm tra trực quan đối với những hàng hóa nguy hiểm mà việc soi chiếu hoặc kiểm tra trực quan sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như các vật liệu cho nghiên cứu hạt nhân, vật liệu phóng xạ. Bao bì phải có niêm phong, kèm theo văn bản xác nhận tình trạng đóng gói an toàn, văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với hài cốt, tro cốt, việc kiểm tra an ninh hàng không được thực hiện như đối với hàng hóa, hành lý thông thường, trừ trường hợp có đề nghị miễn soi chiếu tia X của cá nhân, cơ quan nhà nước có liên quan, cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài và phải được người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chấp nhận.

5. Đối với động vật sống, vật phẩm dễ bị hỏng trong trường hợp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không thể kiểm tra bằng soi chiếu tia X thì phải kiểm tra trực quan hoặc biện pháp khác thích hợp.

6. Vận chuyển hàng nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không. Hàng nguy hiểm phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy định và khai báo trước khi chấp nhận để vận chuyển.

Hãng hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định sự tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không trước khi chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi kiểm tra an ninh hàng không phát hiện hàng nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng vận chuyển xem xét quyết định.

7. Việc mang theo trang thiết bị y tế là vật phẩm nguy hiểm theo người lên tàu bay để chăm sóc bệnh nhân và đối tượng cảnh vệ phải được đề nghị bằng văn bản, được sự đồng ý của đại diện hãng hàng không và người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

8. Tất cả các vật phẩm đặc biệt nêu tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 7 của Điều này phải được kiểm tra bằng dụng cụ, thiết bị phát hiện chất nổ.

Điều 56. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn

1. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn hàng không (sau đây gọi chung là doanh nghiệp suất ăn) có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với suất ăn theo Quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2. Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại các khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phù hợp. Phương tiện vận chuyển suất ăn từ nơi cung ứng qua khu vực công cộng ra tàu bay phải có nhân viên bảo vệ của doanh nghiệp áp tải hoặc triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp.

3. Các mẫu suất ăn phải được lưu giữ ít nhất 24 giờ kể từ khi đưa lên phục vụ trên tàu bay.

4. Tủ hoặc túi đựng suất ăn phục vụ trên tàu bay sau khi được kiểm tra an ninh hàng không phải được niêm phong an ninh. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không chỉ cho phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay nếu tủ, túi đựng suất ăn còn nguyên niêm phong an ninh hàng không của doanh nghiệp suất ăn.

5. Trường hợp tủ, túi đựng suất ăn không có hoặc niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn thì phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X hoặc kiểm tra trực quan trước khi đưa vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không để đưa lên tàu bay và phải được giám sát an ninh hàng không liên tục.

Điều 57. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay

1. Đồ vật phục vụ trên tàu bay phải có thùng hoặc túi đựng, được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X. Thùng, túi đựng đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được niêm phong an ninh hàng không sau khi được kiểm tra an ninh hàng không bằng soi chiếu tia X và được giám sát liên tục bằng biện pháp thích hợp cho tới khi đưa lên tàu bay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Khu vực kho chứa các đồ vật phục vụ trên tàu bay phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phù hợp.

3. Người khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu số lượng, chủng loại đồ vật phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay khi đưa lên, đưa xuống tàu bay và ghi nhận bằng văn bản; xuất trình cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi vào và ra khỏi khu vực hạn chế.

Điều 58. Bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay

1. Doanh nghiệp cung ứng nhiên liệu có trách nhiệm triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu theo Quy chế an ninh của doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2. Khu vực kho chứa nhiên liệu, phương tiện vận chuyển phải được bảo vệ; việc vào và hoạt động tại khu vực này phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

3. Các cửa nạp, cửa xả của phương tiện tra nạp nhiên liệu hàng không sau khi tiếp nhận nhiên liệu để nạp cho tàu bay phải được niêm phong an ninh; phương tiện phải có bảo vệ doanh nghiệp áp tải hoặc có các biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp khi lưu thông tại các khu vực công cộng.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay trước khi vào sân bay, bảo đảm niêm phong an ninh các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên vẹn.

Điều 59. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Khi làm thủ tục hàng không, người áp giải phải xuất trình lệnh hoặc quyết định áp giải của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đại diện hãng hàng không phối hợp với người áp giải đánh giá nguy cơ trong việc vận chuyển hành khách bị áp giải và quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phù hợp; thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không cảng hàng không, sân bay nơi đi.

3. Người áp giải và người bị áp giải có thể được bố trí kiểm tra an ninh hàng không tại khu vực riêng. Người bị áp giải và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan.

4. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với người áp giải quản lý, giám sát chặt chẽ trong quá trình đưa người bị áp giải lên, xuống tàu bay.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ và người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết nếu có.

Điều 60. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh

1. Hãng hàng không chịu trách nhiệm về hành khách do hãng chuyên chở bị Việt Nam từ chối nhập cảnh, cụ thể:

a) Chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam trong thời gian sớm nhất;

b) Phối hợp với công an cửa khẩu tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách và làm thủ tục để có các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó nếu hành khách không có giấy tờ về nhân thân hợp lệ;

c) Thông báo cho công an cửa khẩu, Cảng vụ hàng không liên quan danh sách hành khách, thời gian, địa điểm quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh và chuyến bay chuyên chở hành khách rời khỏi Việt Nam;

d) Giữ giấy tờ về nhân thân hoặc các giấy tờ khác do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp và chỉ giao lại khi hành khách đã được bàn giao cho nhà chức trách có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu bay đến.

2. Trường hợp hãng hàng không chuyên chở hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nước ngoài về Việt Nam, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại để có giấy tờ về nhân thân của hành

khách đó hoặc các giấy tờ khác do nhà chức trách có thẩm quyền của nước sở tại cấp nhằm mục đích vận chuyển hành khách đó.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay quản lý, giám sát hành khách cho tới khi đưa hành khách lên chuyến bay rời khỏi Việt Nam. Trường hợp hành khách bị từ chối nhập cảnh không tự nguyện về nước, hãng hàng không phải bố trí nhân viên an ninh áp giải trên chuyến bay, tối thiểu 01 nhân viên áp giải 01 hành khách.

4. Hãng hàng không chịu mọi chi phí liên quan đến hành khách bị từ chối nhập cảnh.

5. Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị từ chối nhập cảnh và những người áp giải cùng với công cụ hỗ trợ họ mang theo. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc nhà chức trách nước ngoài nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp cần thiết.

Điều 61. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi

1. Hành khách mất khả năng làm chủ hành vi bao gồm:

a) Mất khả năng làm chủ hành vi do bị bệnh tâm thần;

b) Mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.

2. Không chấp nhận chuyên chở hành khách mất khả năng làm chủ hành vi do sử dụng chất kích thích.

3. Việc chấp nhận chuyên chở hành khách bị bệnh tâm thần do đại diện hãng hàng không đánh giá và quyết định. Khi chấp nhận chuyên chở phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Hành khách bị bệnh tâm thần phải có bác sĩ hoặc thân nhân đi kèm có khả năng kiềm chế được hành vi bất thường của hành khách. Trong trường hợp cần thiết, hành khách bị bệnh tâm thần cần phải được gây mê trước khi lên tàu bay, thời gian bay không được lâu hơn thời gian tác dụng của thuốc;

b) Hành khách bị bệnh tâm thần và hành lý, vật dụng của họ phải được kiểm tra trực quan; việc kiểm tra có thể được bố trí tại khu vực riêng;

c) Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của đại diện hãng hàng không, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải hộ tống hành khách bị bệnh tâm thần lên tàu bay và ngược lại;

d) Đại diện hãng hàng không phải thông báo cho người chỉ huy tàu bay vị trí ngồi của hành khách bị bệnh tâm thần. Người chỉ huy tàu bay thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi tàu bay dự định hạ cánh về các yêu cầu trợ giúp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 62. Quy trình xử lý hành khách gây rối

1. Trường hợp hành khách chưa lên tàu bay, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ngăn chặn không cho phép hành khách lên tàu bay, tạm giữ người, giấy tờ về nhân thân của hành khách, lập biên bản vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này, thông báo cho Cảng vụ hàng không liên quan và đại diện hãng hàng không liên quan. Việc xử lý phải đảm bảo hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay.

2. Trường hợp hành khách đã lên tàu bay và tàu bay đang ở mặt đất, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định tạm dừng chuyến bay nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo cho đại diện hãng hàng không; đại diện hãng hàng không thông báo vụ việc cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay để phối hợp xử lý.

3.[32] Trường hợp tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay phải áp dụng biện pháp xử lý thích hợp theo thẩm quyền; quyết định cho tàu bay hạ cánh nếu xét thấy cần thiết vì lý do bảo đảm an toàn, an ninh cho chuyến bay; thông báo vụ việc cho hãng hàng không hoặc nhà chức trách hàng không (nếu không có đại diện hãng hàng không) nơi hạ cánh tùy theo tính chất, mức độ vụ việc, người chỉ huy tàu bay tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính hoặc tường trình, báo cáo vụ việc theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, hoặc lập biên bản theo quy định của nước sở tại, bàn giao vụ việc cho nhà chức trách hàng không nơi hạ cánh.

---

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Khi nhận được thông báo, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay lên ngay tàu bay để phối hợp với tổ bay, áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để áp giải hành khách xuống khỏi tàu bay, tạm giữ giấy tờ về nhân thân của hành khách, đồ vật vi phạm; tổ bay lập bản tường trình báo cáo vụ việc chuyển giao cho Cảng vụ hàng không để xử lý theo thẩm quyền và đại diện hãng hàng không phải có mặt chứng kiến, phối hợp trong quá trình xử lý vụ việc.

5.[33] Cảng vụ hàng không liên quan nhận được thông báo phải đến ngay nơi xử lý vụ việc để trực tiếp đánh giá và quyết định việc xử lý theo thẩm quyền; giám sát toàn bộ quá trình xử lý vụ việc, kể cả trên tàu bay; chủ trì phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không đánh giá vụ việc, quyết định áp dụng các biện pháp an ninh cần thiết; yêu cầu chuyển giao hồ sơ vụ việc; đình chỉ hoặc cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay; lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp vượt quá thẩm quyền, chuyển vụ việc cho cơ quan chức năng có đủ thẩm quyền xử lý.

Điều 63. Từ chối, cấm vận chuyển vì lý do an ninh; kiểm tra trực quan bắt buộc đối với hành khách

1. Hãng hàng không có quyền từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh trong các trường hợp được pháp luật quy định.

2. Quy trình, thủ tục và thẩm quyền quyết định từ chối vận chuyển hành khách vì lý do an ninh phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không. Việc từ chối vận chuyển hành khách phải được thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát theo thẩm quyền.

3. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định cấm vận chuyển bằng đường hàng không có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với hành khách có các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; tùy tính chất, mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc đối với người có hành vi vi phạm về an ninh, trật tự kỷ luật trên tàu bay tại các cảng hàng không, sân bay.

4. Cục Hàng không Việt Nam thường xuyên cập nhật và thông báo danh sách hành khách bị cấm vận chuyển, hành khách phải kiểm tra trực quan bắt buộc cho

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

các Cảng vụ hàng không, hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. Hãng hàng không phải có biện pháp thích hợp, hiệu quả để cảnh báo, phát hiện ngay đối tượng bị cấm vận chuyển, đối tượng phải áp dụng các biện pháp kiểm tra trực quan bắt buộc khi đối tượng đặt chỗ, làm thủ tục đi tàu bay để ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Điều 64. Tái kiểm tra an ninh hàng không

1. Hành khách, hành lý xách tay đã kiểm tra an ninh hàng không nhưng ra khỏi khu vực cách ly khi trở lại phải tái kiểm tra an ninh hàng không.

2. Trường hợp có sự tiếp xúc, trộn lẫn giữa hành khách, hành lý xách tay đã qua kiểm tra và người chưa qua kiểm tra an ninh hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải áp dụng ngay các biện pháp sau:

a) Tất cả hành khách, hành lý xách tay phải được chuyển sang một khu vực khác, kiểm tra lại toàn bộ khu vực cách ly liên quan;

b) Tái kiểm tra an ninh hàng không toàn bộ hành khách, hành lý xách tay trước khi cho lên tàu bay;

c) Trường hợp hành khách đã lên tàu bay, toàn bộ hành khách, hành lý xách tay và khoang hành khách của tàu bay phải được tái kiểm tra an ninh hàng không.

3. Trường hợp niêm phong an ninh không còn nguyên vẹn hoặc hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật phục vụ trên tàu bay, tủ, túi đựng suất ăn bị rách, vỡ phải tái kiểm tra an ninh hàng không trước khi chất xếp lên tàu bay.

4. Việc tái kiểm tra an ninh hàng không được quy định tại các khoản 2 và 3 của Điều này phải được lập thành biên bản.

Điều 65. Biện pháp xử lý vật phẩm nguy hiểm trong quá trình kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi

1. Khi phát hiện hoặc nghi vấn bom, mìn, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, chất cháy, vật liệu phóng xạ, chất độc có nguy cơ gây nguy hiểm, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải lập tức đánh giá nguy cơ để có biện pháp xử lý thích hợp. Trường hợp là bom, mìn, vật liệu nổ nếu không biết rõ về cơ chế nổ thì để nguyên tại chỗ, nhanh chóng phong tỏa khu vực đó, sơ tán hành khách đến nơi an toàn và thông báo ngay cho lực lượng phá dỡ bom mìn của ngành công an, quân đội đến để tháo gỡ. Việc di chuyển chất cháy, vật liệu phóng xạ, chất độc thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không có giấy phép theo quy định của pháp luật, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải lập biên bản sự việc và chuyển giao người, hồ sơ, vật phẩm nguy hiểm cho cơ quan chức năng có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho hãng hàng không liên quan để có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không tuân thủ các điều kiện bảo đảm vận chuyển an toàn bằng đường hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay hướng dẫn hành khách bỏ lại hoặc thực hiện thủ tục vận chuyển theo quy định hoặc từ chối hoàn thành thủ tục kiểm tra an ninh hàng không và yêu cầu hãng hàng không, đại diện hợp pháp của người gửi hàng, hành khách tuân thủ các điều kiện vận chuyển.

4. Khi phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong người hành khách, phải nhanh chóng bằng biện pháp thích hợp khống chế, ngăn chặn để xử lý; phát hiện vũ khí, vật liệu nổ trong hành lý xách tay của hành khách phải cách ly ngay hành khách với hành lý, khống chế hành khách để xử lý.

Điều 66. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực cách ly

1. Khu vực cách ly phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi đưa vào khai thác hàng ngày và giám sát an ninh chặt chẽ, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

2. Khi không hoạt động, tất cả các cửa vào, cửa ra của khu vực cách ly phải được khóa hoặc có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không canh gác, bảo vệ.

3. ***(được bãi bỏ)***[34]

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với khu vực cách ly phải được quy định cụ thể, chi tiết tại Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

Mục 4. BẢO ĐẢM AN NINH CHO TÀU BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

Điều 67. Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ tàu bay

[34] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 29 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. Tàu bay đỗ tại sân đỗ tàu bay phải được bảo vệ bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện, ngăn chặn người, phương tiện tiếp cận, đưa đồ vật lên, xuống hoặc để lại trên tàu bay một cách trái phép.

2. Tàu bay không khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

a) Cầu thang, cầu ống dẫn khách, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm đóng, khóa cửa tàu bay; niêm phong cửa tàu bay; tàu bay đỗ ban đêm phải được chiếu sáng.

3. Tàu bay đang khai thác phải được thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

a) Được giám sát an ninh hàng không liên tục hoặc được đóng, khóa, niêm phong cửa tàu bay;

b) Người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm tổ chức ghi nhận và lưu giữ danh sách người, phương tiện được phép tiếp cận và phục vụ tàu bay.

Điều 68. Kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay

1. Trước khi tiếp nhận hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay và sau khi hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi xuống hết khỏi tàu bay, người khai thác tàu bay phải kiểm tra an ninh hàng không tàu bay theo danh mục của từng loại tàu bay nhằm phát hiện các vật phẩm nguy hiểm có thể được cất giấu hoặc người trốn trên tàu bay. Người khai thác tàu bay phải quy định chi tiết quy trình, thủ tục kiểm tra an ninh hàng không tàu bay trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay phải được tiến hành theo danh mục. Trên mỗi tàu bay phải có danh mục kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay và nội dung danh mục kiểm tra an ninh hàng không phải được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

Điều 69. Bảo vệ buồng lái

1. Trong suốt thời gian tàu bay đang bay, cửa buồng lái phải được khóa từ bên trong và có phương thức trao đổi thông tin bí mật giữa tiếp viên với tổ lái khi phát hiện nghi ngờ hoặc có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không trong khoang hành khách.

2. Tàu bay có trọng lượng cất cánh tối đa từ 45.500 kilôgam trở lên hoặc có sức chở từ 60 hành khách trở lên phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Cửa buồng lái tàu bay có khả năng chống lại vũ khí hạng nhẹ, mảnh lựu đạn hoặc việc sử dụng vũ lực để vào buồng lái trái phép;

b) Có trang bị, thiết bị để tổ lái giám sát toàn bộ khu vực bên ngoài cửa buồng lái tàu bay nhằm nhận biết những người có yêu cầu vào buồng lái, phát hiện những hành vi nghi ngờ hoặc nguy cơ đe dọa tiềm ẩn.

3. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo sau khi các cửa của tàu bay được đóng để khởi hành, không ai được phép vào buồng lái cho đến khi các cửa của tàu bay được mở ra để hành khách rời khỏi tàu bay ngoại trừ những đối tượng sau đây nếu Người chỉ huy tàu bay đồng ý:

a) Thành viên tổ bay đang làm nhiệm vụ;

b) Người được người khai thác tàu bay cho phép;

c) Người được phép vào buồng lái theo quy định pháp luật.

4. Thành viên tổ lái không được phép rời buồng lái khi chưa được người chỉ huy tàu bay cho phép; trong buồng lái phải luôn có mặt 02 người là thành viên tổ lái. Trong trường hợp bất khả kháng, chỉ có 01 thành viên tổ lái thì bắt buộc phải có mặt 01 tiếp viên và thành viên tổ lái đó.

Điều 70. Bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay

1. Khi hành khách lên tàu bay, hãng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay của hành khách để đảm bảo đúng người, đúng chuyến bay. Biện pháp kiểm tra phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Trước khi cho tàu bay khởi hành, người chỉ huy tàu bay phải có trách nhiệm tổ chức đối chiếu tổng số hành khách đã được cấp thẻ lên tàu bay với tổng số hành khách thực có trên tàu bay bằng biện pháp thích hợp; nếu không có sự trùng khớp phải làm rõ lý do mới được phép khởi hành.

3. Trong thời gian tàu bay đang bay, người chỉ huy tàu bay chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay; được áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, hành vi gây rối, vi phạm trật tự kỷ luật, không tuân thủ yêu cầu, hướng dẫn của tổ bay theo quy định pháp luật;

tổ chức bàn giao người vi phạm, tang vật và biên bản hoặc báo cáo vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay. Người chỉ huy tàu bay tổ chức việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự kỷ luật trên tàu bay trong suốt chuyến bay.

4. Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh, sự chỉ huy, điều hành của người chỉ huy tàu bay; thường xuyên quan sát khoang hành khách để kịp thời phát hiện hành vi bất thường của hành khách, thông báo cho người chỉ huy tàu bay biết để xử lý; phối hợp với nhân viên an ninh trên không giải quyết và xử lý các trường hợp tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp.

5. Cục Hàng không Việt Nam là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Công an, nhà chức trách có thẩm quyền của nước ngoài và các hãng hàng không trong việc bố trí nhân viên an ninh trên không đi trên các chuyến bay.

Điều 71. Vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

1. Việc vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, có người áp giải. Trên một chuyến bay chỉ được vận chuyển không quá 05 người thuộc đối tượng này. Chuyến bay chuyên cơ thuê khoang không vận chuyển hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Đối với chuyến bay từ nước ngoài về Việt Nam, trong trường hợp quy định của pháp luật của nước sở tại khác với quy định tại khoản 1 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá và quyết định giới hạn chuyên chở.

3. Chỗ ngồi của đối tượng bị áp giải được chỉ định ở các hàng ghế xa cửa lên, xuống, xa cửa thoát hiểm. Nhân viên áp giải ngồi ghế cạnh lối đi, đối tượng bị áp giải ngồi ghế trong, trường hợp số nhân viên áp giải gấp hai lần số đối tượng bị áp giải, đối tượng bị áp giải ngồi ghế giữa hai nhân viên áp giải.

4. Đối tượng bị áp giải phải được người áp giải giám sát trong suốt chuyến bay kể cả khi vào phòng vệ sinh, đối tượng bị áp giải có thể được mời ăn với sự đồng ý của người áp giải; người áp giải và đối tượng bị áp giải không được sử dụng các loại chất kích thích hoặc dung dịch có cồn.

5. Không được khóa tay hoặc chân đối tượng bị áp giải vào bất cứ bộ phận nào của tàu bay.

6. Hãng hàng không phải bố trí cho người áp giải và người bị áp giải lên trước và rời khỏi tàu bay sau cùng so với các hành khách khác.

7. Việc vận chuyển hành khách bị trục xuất tự nguyện trở về với số lượng nhiều hơn quy định tại khoản 1 của Điều này được thực hiện khi đủ khả năng bảo đảm an ninh. Hãng hàng không chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định.

Điều 72. Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay

1. Việc vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Danh mục các vật phẩm nguy hiểm mà hành khách, tổ bay không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

3. Đối với vật phẩm nguy hiểm là hàng nguy hiểm khi vận chuyển phải được đại diện của hãng hàng không chấp nhận vận chuyển trên tàu bay theo đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách; thông báo bằng hình thức thích hợp tại nhà ga danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang lên tàu bay quy định tại khoản 2 của Điều này.

Hãng hàng không phải tổ chức niêm yết danh mục các vật phẩm nguy hiểm không được mang theo người, hành lý xách tay, hành lý ký gửi tại nơi bán vé, quầy làm thủ tục hàng không.

Điều 73. Thủ tục, trình tự tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ[35]

1. Người mang vũ khí, công cụ hỗ trợ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phải làm thủ tục đi tàu bay tại quầy thủ tục như sau:

---

[35] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Xuất trình vũ khí, công cụ hỗ trợ và các loại giấy phép liên quan cho nhân viên hàng không kiểm tra khi làm thủ tục đi tàu bay;

b) Trường hợp mang súng theo người lên tàu bay, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này. Trường hợp ký gửi súng, đạn, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này.

2. Nhân viên làm thủ tục của hãng hàng không thông báo cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra các loại giấy phép liên quan đến vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp là súng, đạn, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra nội dung khai báo và ký xác nhận vào tờ khai.

3. Trường hợp hành khách là sỹ quan, chiến sỹ cảnh vệ đi cùng đối tượng cảnh vệ, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này và đưa tờ khai cho nhân viên thủ tục hàng không của chuyến bay trước khi lên tàu bay và chịu trách nhiệm về sự an toàn của súng, đạn, công cụ hỗ trợ mang theo.

4. Quy trình tiếp nhận, vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Người có súng phải tháo rời hộp tiếp đạn khỏi súng; tháo rời hoặc ngắt nguồn điện của công cụ hỗ trợ; bảo đảm chắc chắn vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trạng thái an toàn;

b) Đạn phải được đóng gói và chất xếp theo đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm. Đại diện hãng hàng không ký xác nhận vào tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này;

c) Nhân viên phục vụ mặt đất vận chuyển súng, đạn từ điểm làm thủ tục lên tàu bay phải có nhân viên an ninh hàng không giám sát, hộ tống;

d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ phải để ở nơi hành khách không thể tiếp cận được trong suốt chuyến bay.

5. Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo về số lượng súng, đạn được vận chuyển trên chuyến bay.

6. Tại cảng hàng không, sân bay đến, quy trình bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ như sau:

a) Hãng hàng không phải điện thông báo bằng hình thức thích hợp cho đại diện của hãng tại cảng hàng không, sân bay đến để tiếp nhận, giám sát và thông báo các thông tin liên quan đến chuyến bay có vận chuyển ký gửi vũ khí, công cụ hỗ trợ

(như số hiệu chuyến bay, thời gian hạ cánh, vị trí hạ cánh) cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không;

b) Nhân viên phục vụ mặt đất có trách nhiệm vận chuyển vũ khí, công cụ hỗ trợ từ tàu bay vào khu vực trả hành lý; đối chiếu giấy tờ về nhân thân, thẻ lên tàu bay với thẻ hành lý ký gửi; bàn giao vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ cho hành khách tại nơi trả hành lý ký gửi;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm giám sát quá trình vận chuyển, bàn giao, đăng ký vào sổ và giám sát việc hành khách mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra khỏi khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

7. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải được quy định chi tiết trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 74. Mang chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (chất lỏng) theo người và hành lý xách tay đối với chuyến bay quốc tế

1. Khi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực cách ly quốc tế, mỗi hành khách, thành viên tổ bay chỉ được mang không quá 01 lít chất lỏng theo người và hành lý xách tay; dung tích của mỗi chai, lọ, bình chứa chất lỏng không quá 100 mi-li-lít, đồng thời phải được đóng kín hoàn toàn.

2. Không áp dụng khoản 1 Điều này đối với chất lỏng là thuốc chữa bệnh, sữa, thức ăn cho trẻ em nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuốc chữa bệnh có kèm theo đơn thuốc trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ của người kê đơn thuốc, họ và tên người sử dụng thuốc phù hợp với họ và tên trên vé hành khách;

b) Sữa, thức ăn dành cho trẻ em, trẻ sơ sinh phải có trẻ em, trẻ sơ sinh đi cùng.

3. Chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu cách ly quốc tế, trên chuyến bay quốc tế được phép mang theo người và hành lý xách tay không giới hạn dung tích với điều kiện phải đựng trong túi nhựa an ninh được dán kín.

Mục 5. BẢO ĐẢM AN NINH CHO HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 75. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung

1. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện như đối với tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

2. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay thực hiện như sau:

a) Người khai thác tàu bay phải xây dựng quy định về bảo vệ tàu bay phù hợp với hoạt động khai thác của mình; phối hợp, hiệp đồng với chính quyền địa phương tổ chức bảo vệ tàu bay; bố trí lực lượng canh gác tàu bay liên tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời người, phương tiện tiếp cận và lên tàu bay trái phép; thiết lập hệ thống hàng rào, chiếu sáng ban đêm thích hợp quanh khu vực tàu bay đỗ;

b) Cửa tàu bay phải được khóa hoặc niêm phong.

3. Người khai thác tàu bay hoạt động hàng không chung chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra an ninh hàng không đối với tàu bay trước khi cho người, đồ vật lên tàu bay và bảo đảm an ninh trong khi bay.

4. Tàu bay hoạt động hàng không chung có trọng lượng cất cánh tối đa trên 5.700 kg phải được bảo đảm an ninh như tàu bay vận chuyển hàng không thương mại.

5. Hãng hàng không thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại phải xây dựng Chương trình an ninh hàng không cho hoạt động khai thác của hãng. Nội dung phải quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, bảo vệ tàu bay của hãng trong và ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay; thiết lập, duy trì bộ phận bảo đảm an ninh hàng không của hãng và chỉ định người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác bảo đảm an ninh của hãng theo hệ thống độc lập, không kiêm nhiệm.

Điều 76. Kiểm tra, giám sát an ninh người, đồ vật đưa lên chuyến bay hoạt động hàng không chung

1. Việc kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay hoạt động hàng không chung được thực hiện bằng biện pháp thích hợp và được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Tàu bay xuất phát từ một cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải gửi danh sách người, đồ vật đưa lên tàu bay cho người khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước chuyến bay.

3. Tàu bay xuất phát từ nơi nằm ngoài cảng hàng không, sân bay, người khai thác tàu bay phải tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, đồ vật đưa lên tàu bay.

Mục 6. BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG

Điều 77. Thu thập thông tin về nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan thu thập, đánh giá thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của khủng bố, các tổ chức phản động và các loại tội phạm, âm mưu can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng để quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh tăng cường cho từng cấp độ theo quy định của pháp luật.

2. Cục Hàng không Việt Nam, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin liên quan đến âm mưu tấn công can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường phải được triển khai ngay đến các cơ quan, đơn vị liên quan bằng hình thức thích hợp trong thời gian sớm nhất để thực hiện, đồng thời được gửi ngay để báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công an qua số fax do Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công an xác định.

Điều 78. Phạm vi áp dụng kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

Căn cứ thông tin về tình hình, nguy cơ đe doạ, uy hiếp an ninh hàng không, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường trên phạm vi toàn quốc hoặc tại một cảng hàng không, sân bay cụ thể.

Điều 79. Các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

1. Quy trình triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường áp dụng cho từng cấp độ phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không trên cơ sở nội dung quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường tương ứng với cấp độ được áp dụng. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu và các cơ quan, đơn vị liên quan phải thực hiện ngay theo chỉ đạo của Cục Hàng không Việt Nam.

Mục 7. CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA VÀ AN NINH HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

Điều 80. Nguyên tắc sử dụng, cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa

1. Chỉ hãng hàng không liên quan đến việc vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép khai thác, sử dụng thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hãng hàng không có trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của hành khách; chỉ cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu vì mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, an toàn hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và các tội phạm hình sự khác.

Điều 81. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

1. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải xây dựng và ban hành các quy định về bảo vệ, quản lý, sử dụng để chống lại hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng, đánh cắp và làm sai lệch thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải được thực hiện từ giai đoạn lựa chọn nhà cung cấp và trong quá trình thiết kế lắp đặt, sử dụng hệ thống. Các biện pháp bảo vệ bao gồm:

a) Quản trị hệ thống thông qua việc ban hành tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục an ninh; lựa chọn và đào tạo cán bộ, đặc biệt là những người có quyền quản trị hệ thống; đánh giá mối đe dọa và rủi ro để xác định các lỗ hổng của hệ thống và khả năng bị tấn công; kiểm tra và thử nghiệm; bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng;

b) Kiểm soát bằng tường lửa; mã hóa dữ liệu; sử dụng hệ thống phát hiện xâm nhập mạng và hệ thống chống vi-rút;

c) Bảo vệ hệ thống, đặc biệt là các máy chủ, phải nằm trong khu vực mà việc vào, ra và hoạt động trong khu vực đó được kiểm soát và hạn chế; chỉ những người có thẩm quyền được truy cập vào hệ thống bằng phương pháp đăng nhập sinh trắc học, mật khẩu; hạn chế số lượng người có quyền truy cập; kiểm soát và giám sát liên tục việc truy cập vào hệ thống; sử dụng hệ thống sao lưu đề phòng trường hợp

hệ thống chính bị trục trặc; ghi lưu các hoạt động để phục vụ kiểm tra, đánh giá và cảnh báo khi có hoạt động bất thường.

3. Chương trình, Quy chế an ninh hàng không, phương án khẩn nguy, phương án ứng phó không lưu của các doanh nghiệp ngành hàng không liên quan phải quy định cụ thể về nội dung bảo vệ thông tin và hệ thống công nghệ thông tin; phương án phòng ngừa, đảm bảo an ninh thông tin, phương án ứng phó khi bị tấn công can thiệp bất hợp pháp bằng kỹ thuật điện tử.

4. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải thực hiện việc đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không, mức độ thiệt hại nếu bị tấn công, can thiệp bất hợp pháp vào các thiết bị, hệ thống thông tin của đơn vị mình để có biện pháp bảo vệ thích hợp. Việc đánh giá dựa trên tiêu chí sau:

a) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động điều hành bay và tàu bay đang bay;

b) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến tính mạng hành khách, nhân viên tại cảng hàng không, sân bay;

c) Mức độ uy hiếp trực tiếp đến hoạt động bình thường của các thiết bị điều hành bay, hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị bảo đảm an ninh hàng không.

5. Đơn vị chủ quản hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không phải phối hợp với các cơ quan an ninh thông tin của Bộ Công an để bảo vệ, chống hành vi truy cập, can thiệp trái phép gây mất an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và đánh cắp, làm sai lệch thông tin, dữ liệu; tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh thông tin.

Mục 8. KIỂM SOÁT AN NINH NỘI BỘ

Điều 82. Nguyên tắc thực hiện kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

1. Kiểm soát an ninh nội bộ được thực hiện thông qua việc xây dựng, duy trì thực hiện tiêu chuẩn chức danh công việc; nội quy, kỷ luật của cơ quan, đơn vị và công tác phối hợp với cơ quan chức năng trong phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và thẩm tra xác minh nhân thân.

2. Kiểm soát an ninh nội bộ phải được thực hiện trong tất cả các quy trình tuyển dụng, huấn luyện, đào tạo, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm, đánh giá, nhận xét, bổ nhiệm, điều động của mỗi cơ quan, đơn vị; phải kết hợp chặt chẽ công tác kiểm soát an ninh nội bộ với công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Đơn vị tuyển dụng, quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải tiến hành kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp; thẩm tra, xác minh lý lịch và nhân thân tại nơi cư trú và nơi họ đã làm việc trước khi quyết định tuyển dụng; định kỳ đánh giá nhân viên hàng không. Khi có biểu hiện bất thường về phẩm chất đạo đức, sinh hoạt, kinh tế, ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy của cơ quan, đơn vị, phải xác minh làm rõ.

Điều 83. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm soát an ninh nội bộ

1. Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không dân dụng; tạm đình chỉ hoạt động của nhân viên hàng không có dấu hiệu vi phạm pháp luật, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc theo yêu cầu của cơ quan an ninh có thẩm quyền thuộc Bộ Công an; chỉ đạo các doanh nghiệp ngành hàng không dân dụng trong việc phối hợp với các cơ quan công an liên quan thực hiện công tác kiểm soát an ninh nội bộ.

2. Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải ban hành quy định về kiểm soát an ninh nội bộ gồm các nội dung sau:

a) Xác minh và định kỳ thực hiện đánh giá nhân thân đối với nhân viên hàng không khi tuyển dụng, đề nghị cấp phép, năng định chuyên môn và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên thuộc đơn vị mình;

b) Thường xuyên quán triệt, nhắc nhở, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, phẩm chất đạo đức của cán bộ, nhân viên trong cơ quan, đơn vị;

c) Kiểm soát chặt chẽ việc đi lại, mang đồ vật ra, vào khu vực hạn chế, lên, xuống tàu bay; hoạt động thực hiện nhiệm vụ của nhân viên trong các khu vực hạn chế;

d) Có người hoặc bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát an ninh nội bộ, lập hồ sơ quản lý nhân viên; phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an, chính quyền địa phương để trao đổi, nắm bắt thông tin liên quan đến người lao động; tích cực, chủ động phối hợp kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động, vi phạm pháp luật và khắc phục thiếu sót; triển khai công tác kiểm tra lý lịch nhân viên hàng năm;

đ) Doanh nghiệp quản lý, sử dụng nhân viên hàng không phải xây dựng các tiêu chí để tuyển dụng, bố trí sắp xếp phù hợp đối với từng loại nhân viên hàng không; phối hợp với cơ quan an ninh có thẩm quyền thuộc Bộ Công an để kiểm tra nhân thân đối với nhân viên hàng không là người nước ngoài.

Chương III
XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Mục 1. XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 84. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Mọi vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được xử lý kịp thời, nhanh chóng, không để vi phạm lan rộng và hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả.

Việc xử lý căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Việc lên tàu bay của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để trấn áp, cưỡng chế, áp giải đối tượng vi phạm được thực hiện theo yêu cầu của người chỉ huy tàu bay hoặc Cảng vụ hàng không trừ trường hợp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bố trí nơi xử lý, giải quyết vụ việc vi phạm; bảo đảm việc xử lý vi phạm nhanh chóng, an toàn, thuận tiện và hạn chế đến mức tối thiểu việc gây ách tắc làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay và chuyến bay.

3. Cảng vụ hàng không chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay để thống nhất những vấn đề cụ thể trong phối hợp xử lý vi phạm về an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay và giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không phối hợp với công an, chính quyền địa phương trong xử lý vi phạm về an ninh hàng không xảy ra tại khu vực nằm ngoài cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

4. Cảng vụ hàng không, các đơn vị, doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có lực lượng bảo vệ phải tổ chức trực ban 24 giờ trong ngày và trong cả tuần, công bố số máy điện thoại trực để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay.

5. Hồ sơ, thủ tục, biên bản, quyết định xử lý vi phạm phải được lập và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 85. Trách nhiệm, quy trình xử lý đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ của doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xử lý ban đầu các vụ việc vi phạm an ninh hàng không, trật tự công cộng xảy ra tại cảng hàng không, sân bay thuộc quyền quản lý. Quy trình xử lý như sau:

a) Ngăn chặn hành vi vi phạm; tạm giữ đối tượng vi phạm;

b) Kiểm tra, lục soát, thu giữ tang vật, chứng cứ;

c) Đưa người, tang vật vi phạm về nơi quy định để giải quyết, xử lý vi phạm;

d) Thông báo ngay vụ việc cho Cảng vụ hàng không, cơ quan công an (nếu vụ việc có dấu hiệu hình sự) và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Bảo vệ hiện trường nếu xét thấy cần thiết;

e) Lập hồ sơ ban đầu (Biên bản vi phạm, Biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này) và bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không trong quá trình xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

3.[36] Đối với tàu bay đang khai thác, tàu bay đang bay quy trình xử lý vi phạm thực hiện theo khoản 2, 3, 4, 5 Điều 62 Thông tư này. Nhân viên an ninh trên không hoạt động bí mật, không tham gia xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, hãng hàng không và lực lượng bảo vệ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác chịu trách nhiệm xử lý ban đầu đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không xảy ra tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không, sân bay do mình quản lý; quy trình xử lý theo quy định tại các điểm a, b, c và đ của khoản 1 Điều này; lập hồ sơ ban đầu (Biên bản vi

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

phạm, Biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này), bàn giao hồ sơ, bằng chứng, tang vật, người vi phạm cho cơ quan chức năng tại địa phương và phối hợp xử lý tiếp theo đối với các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

5. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm cử người trực tiếp đến ngay địa điểm đang giải quyết vi phạm ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này để giám sát việc xử lý ban đầu, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, thẩm quyền giải quyết vụ việc và quyết định việc xử lý tiếp theo như sau:

a) Trường hợp vi phạm xét thấy chưa tới mức xử phạt hành chính thì tiếp nhận vụ việc và có văn bản yêu cầu cơ quan có người vi phạm xem xét xử lý kỷ luật đối với người vi phạm và thông báo kết quả xử lý cho Cảng vụ hàng không biết;

b) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của Cảng vụ hàng không, Thanh tra hàng không, Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Bộ Giao thông vận tải thì Cảng vụ hàng không nhận bàn giao và tiến hành các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cho người, cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan công an, vi phạm có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan công an để cơ quan công an xử lý, điều tra. Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan công an trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

d) Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thì yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; Cảng vụ hàng không tiếp tục theo dõi, phối hợp với cơ quan thụ lý vụ việc trong quá trình xử lý để đảm bảo việc xử lý đạt hiệu quả;

đ) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan, thì Giám đốc Cảng vụ hàng không phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt để quyết định theo quy định của pháp luật.

6. Khi bàn giao vụ việc cho Cảng vụ hàng không, Công an, Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập biên bản bàn giao theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV của Thông tư này và phối hợp thực hiện các biện pháp dẫn giải, giữ người, phương tiện, tang vật vi phạm khi được yêu cầu.

7. Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác phải trang bị cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của đơn vị mình máy ghi hình, máy ghi âm, máy ảnh, ống nhòm và các thiết bị hỗ trợ phù hợp khác để ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm và ghi nhận, thu thập lại toàn bộ diễn biến của vụ việc vi phạm một cách chính xác, đầy đủ, phục vụ cho việc xử lý được nhanh chóng, đúng người, đúng tính chất, mức độ vi phạm và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải trang bị máy điện thoại có chức năng hiển thị, lưu số gọi đến, gọi đi và ghi âm với thời gian tối thiểu 03 giờ đồng hồ cho các số điện thoại trực ban, trực khẩn nguy, đường dây nóng, giải đáp thông tin cho hành khách. Các đơn vị phải sử dụng dịch vụ thông báo nhanh số máy gọi đi, gọi đến các số máy điện thoại của đơn vị để kịp thời tra cứu khi nhận được thông tin đe dọa qua điện thoại; thiết lập hòm thư tiếp nhận các thông tin về các vụ việc vi phạm, các hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 86. Giảng bình, rút kinh nghiệm vụ việc vi phạm

1. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không phải được rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót:

a) Căn cứ tính chất, mức độ của từng vụ việc vi phạm xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không quyết định giao cho cơ quan, đơn vị thích hợp chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp cơ sở hoặc Cảng vụ hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cảng vụ hàng không hoặc đề nghị Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình;

b) Đơn vị chủ quản cơ sở nằm ngoài cảng hàng không chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình đối với vụ việc vi phạm xảy ra tại cơ sở của mình;

c) Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình cấp Cục đối với vụ việc vi phạm nghiêm trọng, phức tạp hoặc theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia.

2. Thời gian tổ chức rút kinh nghiệm, giảng bình phải được tiến hành sớm nhất có thể, chậm nhất không quá 05 ngày làm việc đối với cấp cơ sở, 07 ngày làm việc đối với cấp Cảng vụ và 10 ngày làm việc đối với cấp Cục kể từ ngày xảy ra vi phạm.

3. Nội dung rút kinh nghiệm, giảng bình tối thiểu phải bao gồm:

a) Biện pháp, quy trình xử lý của đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xử lý vụ việc vi phạm: đúng, sai, nguyên nhân;

b) Công tác phối hợp xử lý vụ việc vi phạm của đơn vị, cá nhân liên quan: đúng, sai, nguyên nhân;

c) Những bất cập trong các quy định của pháp luật, Chương trình, Quy chế an ninh hàng không, quy định và các văn bản có liên quan cần phải được bổ sung, sửa đổi;

d) Những sơ hở, thiếu sót của từng đơn vị, cá nhân liên quan, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

MỤC 2. ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 87. Quy định chung

1. Việc đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật và tuân thủ phương án khẩn nguy đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Khi nhận được thông tin về một hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu liên quan có trách nhiệm phân tích, đánh giá sơ bộ về tính chất của thông tin để xem xét triển khai phương án khẩn nguy thích hợp; báo cáo ngay thông tin, kết quả đánh giá và kiến nghị biện pháp đối phó bằng cách thức phù hợp về Cục Hàng không Việt Nam. Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị mình tổ chức đối phó ban đầu theo quy định; trường hợp cần thiết, Cục Hàng không Việt Nam trực tiếp chỉ đạo các lực lượng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy ban đầu.

3. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người. Đối với tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ

không lưu liên quan ưu tiên trợ giúp tối đa để bảo đảm an toàn cho tàu bay trong vùng trời của Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

4. Sau khi kết thúc việc đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm nhanh chóng thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo đưa cảng hàng không, sân bay trở lại hoạt động bình thường; bố trí cho hành khách tiếp tục hành trình trong thời gian sớm nhất có thể.

Điều 88. Kế hoạch khẩn nguy

1. Kế hoạch khẩn nguy đối phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp của cảng hàng không, sân bay do người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phải phù hợp với Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

2. Doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay xây dựng Kế hoạch khẩn nguy của cơ sở bảo đảm hoạt động bay; doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phải xây dựng Kế hoạch ứng phó không lưu trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện. Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu phải phù hợp với Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp do Thủ tướng Chính phủ ban hành và Phương án khẩn nguy của Ban chỉ huy khẩn nguy hàng không cấp tỉnh, thành phố, huyện đảo.

3. Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp được quản lý theo chế độ mật.

4. Văn phòng thường trực Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia chủ trì phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn xây dựng và thực hiện các Kế hoạch khẩn nguy, Kế hoạch ứng phó không lưu.

Điều 89. Quản lý thông tin và họp báo

Việc cung cấp thông tin, phát ngôn và họp báo liên quan đến hành vi can thiệp bất hợp pháp và công tác đối phó thực hiện theo Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 90. Chế độ báo cáo về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị chủ quản của khu vực hạn chế ngoài cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm báo cáo ban đầu bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo 02 lần trên 01 ngày trong thời gian đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; báo cáo sơ bộ trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc việc đối phó.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản trong trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo của đơn vị về công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp.

Điều 91. Thông báo cho quốc gia liên quan và báo cáo cho ICAO

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo những thông tin về tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp hạ cánh trong lãnh thổ Việt Nam cho nhà chức trách hàng không của quốc gia liên quan trong thời gian sớm nhất có thể.

Thông tin bao gồm: loại tàu bay, số hiệu chuyến bay, đường bay, số lượng hành khách, tổ bay trên chuyến bay và những yêu cầu đề nghị các quốc gia liên quan trợ giúp. Thông báo được gửi tới các địa chỉ sau qua đường fax:

a) Quốc gia nơi tàu bay đăng ký;

b) Quốc gia của nhà khai thác tàu bay;

c) Quốc gia có các công dân bị chết, bị thương hoặc bị giữ do hành vi can thiệp bất hợp pháp;

d) Quốc gia có công dân là hành khách trên tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

đ) ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo ICAO về các hành vi can thiệp bất hợp pháp như sau:

a) Báo cáo sơ bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 30 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra;

b) Báo cáo chính thức theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 60 ngày kể từ ngày vụ việc xảy ra.

Điều 92. Diễn tập đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

1. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài ngành hàng không tổ chức diễn tập đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp cấp ngành tối thiểu 03 năm một lần tại 01 cảng hàng không hoặc 01 cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

2. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp chủ quản cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức diễn tập cấp cơ sở tại mỗi cảng hàng không, mỗi cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu tối thiểu 02 năm 01 lần.

3. Cơ quan, tổ chức nước ngoài có thể được mời tham quan diễn tập đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải về kế hoạch tổ chức diễn tập cấp ngành.

Chương IV
HỆ THỐNG TỔ CHỨC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGÀNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 93. Các cơ quan, đơn vị chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng

1. Phòng An ninh hàng không thuộc Cục Hàng không Việt Nam có nhiệm vụ tham mưu chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo đảm an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không dân dụng và triển khai trách nhiệm của nhà chức trách hàng không trong lĩnh vực an ninh hàng không.

2. Phòng Giám sát an ninh hàng không thuộc Cảng vụ hàng không khu vực thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh hàng không của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân tại cảng hàng không, sân bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung phải

thiết lập tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của mình độc lập về chức năng, nhiệm vụ và không kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác; trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không gửi Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt phải quy định cụ thể người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO và người đứng đầu các bộ phận thuộc tổ chức bảo đảm an ninh hàng không.

4. Người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không và người đứng đầu các bộ phận thuộc tổ chức bảo đảm an ninh hàng không quy định tại khoản 3 Điều này chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác bảo đảm an ninh hàng không và có đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm để triển khai thực hiện Chương trình, Quy chế an ninh hàng không.

5. Hãng hàng không Việt Nam khai thác các chuyến bay thường lệ ở nước ngoài phải chỉ định người chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng tại quốc gia đó và phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam.

6. Các hãng hàng không nước ngoài khai thác các chuyến bay thường lệ đến Việt Nam phải chỉ định và thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam người chịu trách nhiệm về an ninh hàng không của hãng tại Việt Nam.

7. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức bảo đảm an ninh hàng không quy định tại các khoản 1, 2, và 3 của Điều này.

Điều 94. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng và tiêu chuẩn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không[37]

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không là lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không thực hiện chức năng tham mưu, quản lý, giám sát và trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, phòng ngừa, đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp và vụ việc vi phạm an ninh hàng không theo quy định.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bao gồm cán bộ, nhân viên của các tổ chức an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp

[37] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung được quy định tại các khoản 3 Điều 93 Thông tư này.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế của cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay.

4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải được đào tạo huấn luyện nghiệp vụ phù hợp với chức danh, nhiệm vụ công việc được giao theo quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không:

a) Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không nghiện ma túy (sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng).

Điều 95. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung

1. Tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không (Post Hoder)

a) Là công dân Việt Nam, có kiến thức, kinh nghiệm về hàng không, an ninh hàng không và có thời gian công tác liên tục tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực an ninh hàng không;

b) Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học trong nước hoặc quốc tế về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không.

2. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Tham mưu cho Giám đốc Cảng hàng không thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Chủ trì xây dựng Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình sau khi được phê duyệt;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không và cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành; triển khai kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp đã được phê duyệt;

c) Duy trì liên lạc hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trong nội bộ, Cảng vụ hàng không, hãng hàng không, các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan tại cảng hàng không; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không và tinh thần cảnh giác của tất cả những người làm việc tại cảng hàng không, sân bay;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng hàng không trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Đảm bảo năng lực ứng phó hiệu quả đối với các mối đe dọa, vụ việc vi phạm an ninh hàng không; thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu, khuyến cáo an ninh hàng không của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền;

e) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không theo thẩm quyền;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong quy hoạch, thiết kế xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, mua sắm trang bị, thiết bị an ninh hàng không;

h) Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của tất cả các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và các hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay.

3. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc điều hành) hãng hàng không thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của hãng hàng không được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Xây dựng Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình an ninh hàng không của hãng sau khi được phê duyệt;

b) Triển khai các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của hãng hàng không theo quy định;

c) Duy trì liên lạc hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trong nội bộ, Cảng vụ hàng không, tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan chức năng có liên quan tại cảng hàng không, sân bay; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không của tất cả cán bộ, nhân viên của hãng hàng không;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Tổng giám đốc (Giám đốc điều hành) hãng hàng không trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Đảm bảo năng lực ứng phó hiệu quả với mối đe dọa, vụ việc vi phạm an ninh hàng không đối với hãng hàng không;

e) Trực tiếp phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ nhận dạng tổ bay thuộc thẩm quyền của hãng hàng không;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong việc khai thác tàu bay, trang thiết bị an ninh hàng không, hệ thống thông tin của hãng hàng không; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

h) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không theo quy định; khảo sát, đánh giá an ninh hàng không; các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

i) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân của hãng hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không;

k) Triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường trên các chuyến bay hoặc đường bay cụ thể theo quy định;

l) Nghiên cứu, nắm vững luật và các quy định về an ninh hàng không liên quan được áp dụng trong các khu vực, quốc gia mà hãng hàng không có các chuyến bay khai thác thường lệ; triển khai các quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến khai thác vận chuyển hàng không cho các tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không cho hãng tại nước ngoài.

4. Nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật, xây dựng Quy chế an ninh hàng không và triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế sau khi được phê duyệt;

b) Triển khai thực hiện đầy đủ hiệu quả các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp;

c) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp. Chịu sự kiểm soát chất lượng của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này; thực hiện các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam và Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không.

5. Người đứng đầu tổ chức an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu có nhiệm vụ như sau:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp được quy định trong Thông tư này và các quy định khác của pháp luật. Chủ trì xây dựng Quy chế an ninh hàng không và triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế sau khi được phê duyệt;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ hiệu quả các biện pháp, quy trình, thủ tục bảo đảm an ninh hàng không; công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành và các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp;

c) Tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng an ninh hàng không trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp; chủ trì tổ chức đánh giá đe dọa và nguy cơ đối với các cơ sở bảo đảm hoạt động bay. Chịu sự kiểm soát chất lượng của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các biện pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện và theo yêu cầu, khuyến cáo của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Cục Hàng không Việt Nam, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

đ) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu của tất cả các vụ việc vi phạm an ninh hàng không và các hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại các cơ sở của doanh nghiệp;

e) Tổ chức thẩm định, đề nghị phê duyệt hồ sơ xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh bộ;

g) Tham gia thẩm định các tiêu chuẩn và yêu cầu an ninh hàng không trong quy hoạch, thiết kế xây dựng mới và cải tạo nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, mua sắm trang bị, thiết bị an ninh hàng không của doanh nghiệp; tham gia tuyển dụng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

6. Người được chỉ định chịu trách nhiệm về an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Trình Cục Hàng không Việt Nam Chương trình an ninh hàng không của hãng và triển khai thực hiện Chương trình sau khi được chấp thuận;

b) Duy trì liên lạc hiệu quả với Cục Hàng không Việt Nam và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không và xử lý các sự cố an ninh hàng không liên quan; thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm nâng cao nhận thức về an ninh hàng không của tất cả cán bộ, nhân viên của hãng;

c) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân của hãng hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong Chương trình an ninh hàng không của hãng.

Điều 96. Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là người trực tiếp thực hiện kiểm tra, soi chiếu, giám sát và lục soát an ninh hàng không bao gồm nhân viên kiểm soát, nhân viên soi chiếu và nhân viên cơ động, khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép và năng định còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

2. [38]Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có hiệu lực là 07 năm. Thời hạn hiệu lực của năng định nhân viên soi chiếu là 12 tháng; nhân viên cơ

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

động, nhân viên kiểm soát là 24 tháng. Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian trên 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ thi cấp năng định lại.

3. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được cấp giấy phép và năng định khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tiêu chuẩn nhân viên hàng không và nhân viên kiểm soát an ninh hàng không theo quy định; có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

b) Tham dự kỳ thi cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh hàng không phù hợp do Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép, năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam tổ chức; đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép, năng định cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu;

c) 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

5. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính giấy phép trong trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, bị hỏng. Trường hợp mất giấy phép có văn bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

c) Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp (trường hợp giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực);

d) 02 ảnh màu chụp chính diện, mắt nhìn thẳng, rõ vành tai, kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

6. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên của cơ quan, đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

c) Bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu với trường hợp bổ sung năng định;

d) Bản chính giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh.

7. Thủ tục cấp giấy phép, năng định:

a) Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 30 ngày đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; tối đa 10 ngày đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu người đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do.

8. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không bị Cục Hàng không Việt Nam thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khi không còn đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng trong các trường hợp: bị kỷ luật khiển trách; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa gây ra hậu quả mất an ninh, an toàn; uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng đối với các trường hợp kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo;

d) Thu hồi giấy phép trong thời gian tối đa 06 tháng đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ không đúng với nghiệp vụ chuyên môn được cấp phép, năng định;

đ) Thu hồi vĩnh viễn trong trường hợp: sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng; có hành vi vi phạm hoặc sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ gây ra hậu quả mất an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; có hành vi che dấu lỗi vi phạm quy định về an toàn, an ninh hàng không.

9. Người bị thu hồi giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không quy định tại các điểm b, c và d khoản 8 của Điều này khi trở lại làm việc phải qua kỳ kiểm tra để cấp lại giấy phép.

Điều 97. Đánh giá chất lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Hàng năm, Thủ trưởng đơn vị quản lý nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải đánh giá bằng văn bản nhân viên kiểm soát an ninh về các nội dung sau đây:

a) Năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

b) Chấp hành nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị;

c) Trách nhiệm, thái độ phục vụ trong công việc.

2. Đánh giá quy định tại khoản 1 của Điều này là căn cứ để xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở 4 mức độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém. Kết quả phân loại là cơ sở để bố trí sắp xếp nhân viên và đào tạo, huấn luyện bổ sung nhân viên kiểm soát an ninh hàng không. Trường hợp xếp loại kém phải đưa ra biện pháp và thời hạn khắc phục hoặc đưa ra khỏi lực lượng kiểm soát an ninh hàng không.

3. Văn bản đánh giá và xếp loại nhân viên kiểm soát an ninh hàng không phải được lưu giữ tại đơn vị chủ quản.

Chương V
CÔNG TRÌNH, TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ PHỤC VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 98. Yêu cầu an ninh đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không

1. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không khi lập dự án, khảo sát, thiết kế xây dựng phải tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không được quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình hàng không, kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải thẩm định các yêu cầu, tiêu chuẩn về an ninh hàng không bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này.

Điều 99. Các công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không

1. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không của nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh vành đai sân bay: hàng rào, đường tuần tra, hệ thống cảnh báo xâm nhập, hệ thống chiếu sáng, bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không, hệ thống đèn chiếu sáng vị trí đỗ của tàu bay ban đêm;

b) Cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối vào sân đỗ tàu bay và cổng, cửa, lối đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế;

c) Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp;

d) Hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ nhà ga, sân đỗ tàu bay, đường giao thông liền kề nhà ga và phòng giám sát điều khiển hệ thống ca-me-ra;

đ) Điểm (khu vực) kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa gồm cả phòng lục soát, kiểm tra trực quan tại nhà ga;

e) Phòng trực ban của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, Cảng vụ hàng không tại nhà ga; phòng quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh tại nhà ga quốc tế.

2. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không nằm ngoài nhà ga, sân bay bao gồm:

a) Hàng rào, hệ thống đèn chiếu sáng vành đai; hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh toàn bộ các khu vực hạn chế; hàng rào ngăn cách khu vực hạn chế với khu vực công cộng;

b) Bốt gác, cổng, cửa, điểm kiểm tra an ninh hàng không tại lối vào khu vực hạn chế từ khu vực công cộng.

3. Yêu cầu đối với công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phải được kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật và phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch; khi có hư hỏng phải khắc phục kịp thời;

b) Hàng rào an ninh giữa khu vực hạn chế với khu vực công cộng phải có khả năng ngăn chặn, cảnh báo việc xâm nhập qua hàng rào;

c) Số lượng cổng, cửa vào khu vực hạn chế từ khu vực công cộng phải hạn chế ở mức tối thiểu cần thiết;

d) Bảo đảm sự tách biệt giữa hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã được kiểm tra an ninh hàng không với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi chưa kiểm tra an ninh hàng không;

đ) Vị trí trung tâm khẩn nguy; vị trí đỗ biệt lập cho tàu bay; hầm xử lý bom mìn, vật phẩm nguy hiểm; khu vực tập kết hành khách, hành lý, hàng hóa trong trường hợp tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp phải thuận tiện cho việc xử lý các tình huống khẩn cấp và thực hiện kế hoạch khẩn nguy;

e) Bảo đảm tách biệt luồng hành khách đi, đến, nối chuyến và quá cảnh; luồng hành khách, hàng hóa quốc tế và nội địa;

g) Khu vực bố trí điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý phải có đủ diện tích để tránh gây ùn tắc và bảo đảm thuận lợi cho việc kiểm tra, soi chiếu hành khách, hành lý;

h) Khu vực cách ly phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững;

i) Sử dụng nguyên vật liệu phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa những tổn thất, thiệt hại đối với người, thiết bị của nhà ga, sân bay khi xảy ra cháy, nổ;

k) Đến năm 2020, các cảng hàng không, sân bay đã xây dựng nhưng chưa có công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không phải đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Yêu cầu, tiêu chuẩn về hàng rào, cổng, cửa, rào chắn, hệ thống chiếu sáng, hệ thống ca-me-ra giám sát, vọng gác, đường tuần tra an ninh được quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 100. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

1. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không bao gồm:

a) Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; thiết bị, dụng cụ chuyên dụng phát hiện chất nổ, vũ khí, vật phẩm nguy hiểm;

b) Phương tiện sử dụng cho tuần tra; thiết bị ghi âm, ghi hình, quan sát, nhận dạng, phát hiện giấy tờ, tài liệu giả chuyên dụng; thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

c) Phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ chỉ huy, điều hành, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; mũ, áo giáp và các trang bị, công cụ chuyên dụng cho đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hầm, thiết bị phục vụ xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm;

d) Dụng cụ, thiết bị sử dụng cho thử nghiệm, đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Yêu cầu đối với thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không:

a) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b)[39] Hệ thống máy soi tia X phải có bộ mẫu thử phù hợp tính năng kỹ thuật của máy soi; cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ phải có bộ mẫu thử của nhà sản xuất hoặc đơn vị vận hành, khai thác;

c) Hệ thống thiết bị sử dụng cho việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành;

d) Thiết bị, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch; hệ thống máy soi tia X phải được cấp phép an toàn bức xạ của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Khi đầu tư mới thiết bị an ninh hàng không, phải đảm bảo thiết bị đáp ứng công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Điều 101. Quy định về khai thác, bảo trì thiết bị, phương tiện an ninh hàng không

1. Khai thác, quản lý, bảo trì thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không phải tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất và đơn vị khai thác, sử dụng thiết bị,

---

[39] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 34 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

phương tiện; phải có sổ sách theo dõi các hỏng hóc và việc sửa chữa, bảo trì thiết bị, phương tiện.

2.[40] Dữ liệu hình ảnh từ máy soi tia X, ca-me-ra giám sát an ninh phải được lưu giữ tối thiểu 45 ngày.

3. Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay phải được kiểm tra bằng bộ mẫu thử trước khi sử dụng hàng ngày, hàng tuần hoặc bị ngừng do mất điện trong khi hoạt động.

a) Đối với máy soi tia X: yêu cầu kiểm tra, các bước tiến hành kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với cổng từ: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với thiết bị phát hiện kim loại cầm tay: yêu cầu kiểm tra, cách thức kiểm tra, ghi chép kết quả kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay, thiết bị phát hiện chất nổ, ca-me-ra giám sát an ninh, hệ thống cảnh báo xâm nhập phải định kỳ bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất để bảo đảm các thiết bị hoạt động ổn định. Thiết bị an ninh hàng không khi kiểm tra không đạt tiêu chuẩn phải ngừng khai thác sử dụng. Sổ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa đột xuất phải được ghi chép rõ ràng, chính xác và phải có các thông tin sau:

a) Tên thiết bị, vị trí, người, thời gian lắp đặt;

b) Ngày, tháng, năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng; nội dung, kết quả kiểm tra, bảo dưỡng; tên nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

5. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không; phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị; cập nhật thiết bị bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

---

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

6. Đơn vị quản lý khai thác thiết bị an ninh hàng không chịu trách nhiệm ban hành quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị an ninh hàng không.

Điều 102. Quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, trang bị, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không khác thực hiện thủ tục xin giấy phép trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ, phải có giấy phép sử dụng và xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra; khi đi công tác ra ngoài cơ quan, đơn vị, nếu được mang vũ khí, công cụ hỗ trợ phải mang theo giấy phép sử dụng, giấy điều động công tác của Thủ trưởng cơ quan và giấy tờ về nhân thân để xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

3. Đối tượng được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ:

a) Đối tượng nêu tại các điểm a, b, d và đ khoản 4 Điều này được trang bị, sử dụng mũ chống đạn, áo chống đạn; lá chắn, găng tay điện; lựu đạn hơi cay; súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; các loại phương tiện xịt hơi cay, gây mê; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

b) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên an ninh kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác tại các trạm gác thuộc khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, cổng, cửa vào, ra tiếp giáp sân bay, khu vực hạn chế, khu vực công cộng (nhà ga, bãi đỗ xe) được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

c) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện nhiệm vụ tăng cường đảm bảo an ninh cho chuyến bay, cưỡng chế, áp giải hành khách gây rối, hành khách bị từ chối nhập cảnh được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay, súng bắn đạn nhựa, cao su; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su, khóa số tám;

d) Trưởng ca trực khi thực hiện nhiệm vụ tại điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa được trang bị, sử dụng súng bắn hơi cay; roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su;

đ) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, áp tải hàng hóa ngoài phạm vi cảng hàng không, sân bay được trang bị, sử dụng roi điện, dùi cui điện, dùi cui cao su.

4. Những đối tượng quy định dưới đây được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng khi làm nhiệm vụ:

a) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

b) Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi làm nhiệm vụ trong thời gian thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không tăng cường cấp độ 2 và cấp độ 3;

c) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội);

d) Nhân viên an ninh cơ động, nhân viên kiểm soát an ninh làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác ban đêm;

đ) Nhân viên an ninh trên không khi thực hiện nhiệm vụ được trang bị súng và đạn phù hợp sử dụng trên tàu bay.

5. Bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị. Khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc kết thúc ca trực phải bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người có trách nhiệm để quản lý hoặc bàn giao cho người trực ca sau. Việc bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ phải đảm bảo chặt chẽ và cập nhật vào sổ, có chữ ký của người nhận và người giao;

b) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ sử dụng thường xuyên, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có tủ đựng vũ khí, công cụ hỗ trợ riêng biệt, duy trì chế độ bảo dưỡng hàng ngày và tổ chức kiểm tra chất lượng bảo quản vào cuối tuần;

c) Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ không sử dụng thường xuyên phải bố trí người chuyên trách bảo quản, phải có kho, tủ riêng để bảo quản. Kho bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật an toàn phòng, chống cháy, nổ, có nội quy ra, vào kho; vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo quản trong kho phải được bôi dầu, mỡ thường xuyên; phải sắp xếp hợp lý, để riêng từng chủng loại, nhãn

hiệu. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật, tiến hành bảo dưỡng theo đúng định kỳ và quy trình bảo dưỡng của nhà sản xuất;

d) Người được giao chuyên trách bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm; đã qua lớp đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra, bảo quản và có sổ sách theo dõi việc bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ.

6. Cấp Trưởng, Phó thuộc Trung tâm (Tổ, Đội), nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có chứng nhận đã được đào tạo, huấn luyện cơ bản về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan công an, quân đội hoặc đơn vị được phép theo quy định của pháp luật thì mới đủ điều kiện được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

7. Định kỳ tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ phải báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam tổng hợp tình hình công tác quản lý vũ khí và công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí, công cụ hỗ trợ; thời hạn giấy phép sử dụng; vũ khí, công cụ hỗ trợ bổ sung mới, hỏng, tiêu hủy.

8. Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ chịu trách nhiệm ban hành quy định quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Chương VI
KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 103. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại tất cả các cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong cả nước. Cảng vụ hàng không thực hiện kiểm tra, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra tại các cảng hàng không, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không và các phương tiện, trang bị, thiết bị hoạt động hàng không dân dụng trong phạm vi quản lý. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ

tại cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của mình. Các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không thực hiện kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm công khai, bí mật, điều tra nội bộ và đánh giá theo quy định.

2. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không được thực hiện theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng hàng năm hoặc đột xuất phát sinh khi xét thấy cần thiết. Không thực hiện thử nghiệm đối với tàu bay đang bay hoặc chuyến bay chuyên cơ.

3. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không hàng năm bao gồm các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá được xây dựng căn cứ vào đánh giá nguy cơ, các nguồn lực về con người, kinh phí được cấp và các yếu tố khác có liên quan và phải bảo đảm tính thống nhất không chồng chéo trong toàn ngành, tính bí mật đối với hoạt động thử nghiệm bí mật. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

a) Hàng năm trước ngày 15 tháng 10, Cảng vụ hàng không xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Hàng năm trước ngày 30 tháng 10, Cục Hàng không Việt Nam ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm sau của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, gửi các đơn vị và doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không;

c) Hàng năm trước ngày 30 tháng 11, căn cứ kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát chất lượng an ninh hàng không nội bộ, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan để giám sát.

4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá và hoạt động khảo sát, điều tra đột xuất do người có thẩm quyền quyết định khi xét thấy cần thiết.

5. Cục Hàng không Việt Nam ban hành Sổ tay Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không để triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất trong toàn ngành.

Điều 104. Yêu cầu đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

1. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không:

a) Có quyết định thành lập đoàn của người có thẩm quyền. Kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra phải được người ra quyết định thành lập đoàn phê duyệt;

b) Trưởng đoàn chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra và báo cáo kết quả thực hiện với người ra quyết định thành lập đoàn chậm nhất 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra;

c) Trưởng đoàn đình chỉ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của người có hành vi vi phạm, thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn an ninh hàng không trong khi thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra;

d) Sau 15 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản kết luận, trong đó nêu rõ những sơ hở, thiếu sót và yêu cầu, khuyến cáo khắc phục, nếu có;

đ) Sau 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra, đơn vị chịu sự kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, điều tra phải gửi kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục;

e) Sau 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận được kế hoạch khắc phục, người ra quyết định thành lập đoàn phải có văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót gửi đơn vị, trong đó nêu rõ việc chấp thuận hay không chấp thuận với từng nội dung. Với những nội dung không chấp thuận, phải trao đổi thống nhất lại với đơn vị; trường hợp không thống nhất được, người ra quyết định thành lập đoàn sẽ quyết định.

2. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra, đánh giá của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp khác có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không:

a) Phải có kế hoạch kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra, đánh giá được người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không phê duyệt;

b) Sau 10 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm nội bộ, đánh giá phải ban hành kết luận và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót sau kiểm tra, khảo sát, điều tra, trong đó nêu cụ thể biện pháp khắc phục, cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm khắc phục và thời gian hoàn thành việc khắc phục, nếu có;

c) Sau 15 ngày, kết luận kiểm tra, khảo sát, điều tra, thử nghiệm và kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót phải gửi Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan. Đối với kết luận của hoạt động đánh giá phải được gửi đến các đơn vị chịu sự đánh giá, Cảng vụ hàng không liên quan và Cục Hàng không Việt Nam;

d) Hoạt động đánh giá của các hãng hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không nước ngoài do hãng hàng không chịu chi phí phải có sự tham gia của Cục Hàng không Việt Nam. Hoạt động đánh giá của nhà chức trách, hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải được Cục Hàng không Việt Nam cho phép.

3. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không và các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

4. Hồ sơ, tài liệu hoạt động thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không phải được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ.

Điều 105. Thử nghiệm an ninh hàng không

1. Thử nghiệm bí mật phải bảo đảm bí mật nội dung, thời gian, địa điểm, kế hoạch, phương án và toàn bộ quá trình thử nghiệm, chỉ thành viên trong đoàn mới được phổ biến. Thử nghiệm công khai phải thông báo trước nội dung, thời gian, địa điểm thử nghiệm cho đơn vị là đối tượng chịu sự thử nghiệm. Căn cứ kế hoạch thử nghiệm được phê duyệt, trưởng đoàn thử nghiệm xây dựng phương án thực hiện cho từng thử nghiệm cụ thể.

2. Phải bảo đảm an ninh, an toàn cho người, tài sản, các hoạt động của người thử nghiệm và đối tượng chịu sự thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm. Khi thử nghiệm bí mật bị phát hiện, người thử nghiệm phải xuất trình ngay quyết định thử nghiệm cùng với Thẻ giám sát viên an ninh hàng không hoặc giấy tờ về nhân thân có ảnh của người thử nghiệm cho đối tượng chịu sự thử nghiệm biết, đối tượng chịu sự thử nghiệm phải hợp tác và bảo đảm an ninh, an toàn cho người, phương tiện, đồ vật thử nghiệm.

3. Ngay sau cuộc thử nghiệm kết thúc, người thử nghiệm phải tiến hành lập biên bản ghi nhận kết quả cuộc thử nghiệm và yêu cầu đối tượng chịu sự thử nghiệm ký vào biên bản. Kết thúc cuộc thử nghiệm, trưởng đoàn thử nghiệm phải tổ chức họp với các thành phần liên quan tại đơn vị chịu sự thử nghiệm để rút kinh

nghiệm, giảng bình và thông báo sơ bộ về kết quả của cuộc thử nghiệm với người đứng đầu hoặc đại diện được ủy quyền của đơn vị chịu sự thử nghiệm.

4. Thử nghiệm bí mật được phép sử dụng người trong lực lượng công an, quân đội hoặc hành khách có nhân thân tốt và đủ độ tin cậy để bảo đảm yếu tố bí mật và hiệu quả của hoạt động thử nghiệm.

Điều 106. Khắc phục sơ hở, thiếu sót qua kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra

1. Trong khi kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, điều tra xét thấy những sơ hở, thiếu sót cần phải khắc phục ngay nếu không sẽ gây mất an ninh, an toàn, trưởng đoàn lập biên bản yêu cầu phải khắc phục ngay hoặc chuyển giao cho người có thẩm quyền đình chỉ hoạt động để bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Đơn vị được đánh giá, sau khi nhận được kết luận đánh giá, trong đó bao gồm các kiến nghị khắc phục sơ hở, thiếu sót phải xây dựng kế hoạch khắc phục, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam; trường hợp có những kết luận, kiến nghị chưa chính xác thì có văn bản phản hồi gửi đến tổ chức thực hiện đánh giá và Cục Hàng không Việt Nam.

3. Bộ phận kiểm soát chất lượng an ninh hàng không của cơ quan ban hành văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục sơ hở, thiếu sót có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra đánh giá thực tế việc thực hiện kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

4. Trường hợp không khắc phục đúng theo kế hoạch đã được chấp thuận, bộ phận kiểm soát chất lượng của cơ quan ban hành văn bản phản hồi về kế hoạch khắc phục khiếm khuyết, xem xét kiến nghị áp dụng hình thức chế tài cần thiết để bảo đảm việc khắc phục.

Điều 107. Quy định về Giám sát viên an ninh hàng không, Giám sát viên an ninh nội bộ và người được cấp Thẻ, Giấy phép của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia

1. Giám sát viên an ninh hàng không là người thuộc Cảng vụ hàng không và Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng và các hoạt động giám sát an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam bổ nhiệm và cấp Thẻ giám sát viên an ninh hàng không. Mẫu Thẻ giám sát viên an ninh hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giám sát viên an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ có các quyền hạn sau đây:

a) Được phép tiếp cận, lên tàu bay, vào bất cứ khu vực hạn chế nào tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không, công trình, trang thiết bị, phương tiện;

b) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật có liên quan; thu giữ giấy phép, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có liên quan của nhân viên vi phạm; đình chỉ hoạt động của trang thiết bị, phương tiện vi phạm gây uy hiếp an ninh hàng không;

c) Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục có thể; lập biên bản vi phạm, chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Giám sát viên an ninh nội bộ là người của các doanh nghiệp có Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không do doanh nghiệp thực hiện việc bổ nhiệm, cấp thẻ và quy định về quyền hạn và trách nhiệm cho giám sát viên an ninh nội bộ khi thực hiện nhiệm vụ. Mẫu Thẻ giám sát viên an ninh nội bộ phải được thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia và cán bộ của Văn phòng thường trực được cấp Thẻ; phương tiện của cơ quan, đơn vị phục vụ trực tiếp thành viên Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia được cấp Giấy phép có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không quốc gia tại các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không;

b) Tiếp cận và vào tất cả các khu vực hạn chế, phương tiện, thiết bị, tàu bay thuộc phạm vi giám sát an ninh hàng không theo quy định trong Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; ra, vào Trung tâm chỉ huy khẩn nguy, khu vực hiện trường các vụ can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

c) Sử dụng Thẻ, Giấy phép đúng mục đích, nhiệm vụ có liên quan đến công tác bảo đảm an ninh hàng không; xuất trình Thẻ còn hiệu lực khi thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực hạn chế thuộc ngành hàng không dân dụng;

d) Phương tiện có Giấy phép Ủy ban An ninh hàng không quốc gia ra, vào khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay được miễn các khoản thu khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Giám sát viên an ninh hàng không, Giám sát viên an ninh nội bộ, người được cấp Thẻ của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về những việc làm của mình; sử dụng Thẻ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn của Giám sát viên an ninh hàng không:

a) Có kiến thức, kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực được bổ nhiệm;

b) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 02 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

c) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định.

7. Tiêu chuẩn Giám sát viên an ninh nội bộ:

a) Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 năm đối với trường hợp đã công tác trong lực lượng công an, quân đội;

b) Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định.

Điều 107a. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không[41]

1. Cục Hàng không Việt Nam thiết lập, hướng dẫn hệ thống báo cáo, thống kê về công tác bảo đảm an ninh hàng không đối với các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không.

2. Các tổ chức sau đây có trách nhiệm báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam:

a) Cảng vụ hàng không;

b) Các hãng hàng không;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

3. Khi xảy ra các vụ việc vi phạm an ninh hàng không nghiêm trọng, nhạy cảm, tiềm ẩn nguy cơ uy hiếp an ninh, an toàn hàng không hoặc có nguy cơ ảnh

[41] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội các tổ chức quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam như sau: báo cáo ban đầu ngay khi vụ việc xảy ra bằng điện thoại, fax hoặc các phương tiện thông tin khác và báo cáo bằng văn bản trong vòng 24 giờ theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV kèm theo Thông tư này; các tổ chức quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều này báo cáo theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

4. Đối với vụ việc khẩn nguy, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp, đơn vị thực hiện báo cáo như quy định tại Điều 90 Thông tư này.

5. Việc báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu an ninh hàng không, qua điện thoại, fax hoặc bằng đường bưu điện.

Điều 108. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không thống nhất trong toàn ngành hàng không dân dụng. Cơ sở dữ liệu an ninh hàng không phải được bảo vệ, tránh truy cập trái phép; chỉ những tổ chức, cá nhân được Cục Hàng không Việt Nam cho phép mới được truy cập và khai thác. Cơ sở dữ liệu về an ninh hàng không gồm:

a) Các hành vi can thiệp bất hợp pháp và các vụ việc vi phạm an ninh hàng không;

b) Đối tượng phải kiểm tra trực quan hàng không bắt buộc, bị từ chối vận chuyển vì lý do an ninh, cấm vận chuyển bằng đường hàng không;

c) Các sơ hở, thiếu sót qua hoạt động giám sát và các cuộc thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, đánh giá, điều tra an ninh hàng không;

d) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

đ) Hệ thống kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ;

e) Hệ thống tổ chức, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức quản trị cơ sở dữ liệu an ninh hàng không; Cảng vụ hàng không, các doanh nghiệp có Chương trình, Quy chế an ninh hàng không phải thường xuyên thống kê, cập nhật các nội dung nêu tại khoản 1 của Điều này vào cơ sở dữ liệu.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn về việc thống kê, báo cáo, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không.

Điều 109. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không

1. Rủi ro an ninh hàng không là các mối đe dọa tiềm ẩn trong một giai đoạn nhất định đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không, bao gồm: mối đe dọa từ các loại tội phạm; các sơ hở, thiếu sót trong hệ thống an ninh hàng không; các hành vi can thiệp bất hợp pháp, vi phạm an ninh hàng không đã xảy ra.

2. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không là việc thu thập, đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn để đề ra các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không phù hợp tương xứng với mức độ đe dọa được xác định.

3. Cục Hàng không Việt Nam thiết lập hệ thống báo cáo tự nguyện, báo cáo mật để thu thập các thông tin an ninh hàng không từ các nguồn hành khách, tổ bay, nhân viên trong ngành hàng không dân dụng và các nguồn khác thích hợp phục vụ cho hoạt động kiểm soát chất lượng và quản lý rủi ro về an ninh hàng không.

4. Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với an ninh hàng không trong toàn ngành mỗi năm một lần; chỉ đạo đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không của các cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không Việt Nam và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

5. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay 6 tháng một lần.

6. Hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn đối với công tác bảo đảm an ninh hàng không của hãng, doanh nghiệp 6 tháng một lần.

7. Kết quả đánh giá và xác định mức độ của các mối đe dọa tiềm ẩn được phổ biến cho cơ quan, đơn vị liên quan để xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, biện pháp kiểm soát an ninh hàng không cần thiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không và trong các quy định khác có liên quan.

8. Các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này thành lập Hội đồng đánh giá rủi ro, ban hành nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Hội đồng để thực hiện trách nhiệm được giao. Các thành viên của Hội đồng đánh giá rủi ro về an ninh hàng không hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

(Xem tiếp Công báo số 89 + 90)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng